

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe,
dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp,
giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1709/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 113/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BYT ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển (sau đây gọi tắt là Chương

trình) giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định rõ nội dung, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong tổ chức triển khai Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh; đồng thời cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình để phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Đồng Tháp.

Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các dự án của Chương trình, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân và phát triển toàn diện công tác dân số trong tình hình mới.

Củng cố, nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng; tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng của người dân; chủ động thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

2. Yêu cầu

Việc triển khai Chương trình phải bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định về đầu tư công, ngân sách nhà nước; đồng thời bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tránh trùng lặp, chồng chéo trong quá trình thực hiện.

Các nội dung, hoạt động phải xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện, gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm, cấp thiết; bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch các nguồn vốn.

Việc đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế xã phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định hiện hành, gắn với nhu cầu thực tế, tránh lãng phí; tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương, phát huy vai trò của chính quyền cơ sở và trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, đánh giá, kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện Chương trình.

Bảo đảm không trùng lặp với các chương trình mục tiêu quốc gia khác và các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ kinh phí chi thường xuyên hằng năm; khuyến khích, huy động sự tham gia, đóng góp của tổ chức, gia đình, cá nhân trong công tác chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển

theo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và Điều 2 Thông tư số 34/2026/TT-BYT.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh từ sớm, từ xa, ngay tại cơ sở, hạn chế bệnh tật; gia tăng tỷ lệ sinh, duy trì tỷ số giới tính khi sinh đạt mức cân bằng giới tính khi sinh, thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số; tăng cường chăm sóc cho các nhóm dễ bị tổn thương; góp phần nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Góp phần thực hiện mục tiêu tỷ lệ xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã là 90%;
- Phấn đấu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử và quản lý sức khỏe theo vòng đời đạt 100%;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) đủ năng lực xét nghiệm tác nhân, kháng nguyên, kháng thể các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm lưu hành, nguy cơ cao ở tỉnh, chất lượng nước sạch, vệ sinh trường học theo quy định của Bộ Y tế;
- Tỷ lệ Trạm Y tế xã, phường triển khai thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm theo hướng dẫn của Bộ Y tế đạt 100%;
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 15%;
- Tỷ suất sinh thô đến năm 2030 tăng thêm ít nhất 0,5‰ so với năm 2025;
- Tỷ số giới tính khi sinh duy trì dưới 109 bé trai sinh ra sống so với 100 bé gái sinh ra sống;
- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; phụ nữ mang thai được khám sàng lọc trước sinh ít nhất 4 loại bệnh bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70%; trẻ sơ sinh được khám sàng lọc sơ sinh ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến nhất đạt 90%;
- Số lượng người dễ bị tổn thương được tiếp cận, sử dụng dịch vụ tại các cơ sở chăm sóc xã hội tăng thêm 70% so với năm 2025.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi: trên địa bàn toàn tỉnh Đồng Tháp

2. Đối tượng thụ hưởng

Người dân trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên người ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới; người có công với cách mạng, người cao tuổi, phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em, các cặp vợ chồng và cá nhân trong độ tuổi sinh đẻ, người khuyết tật, người di cư, lao động các khu công nghiệp và các đối tượng ưu tiên khác theo quy định của Chính phủ.

3. Thời gian và tiến độ thực hiện Chương trình

3.1. Thời gian thực hiện

Chương trình được thực hiện từ năm 2026 đến hết năm 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến hết năm 2030

3.2. Tiến độ thực hiện

Căn cứ khả năng bố trí, huy động nguồn lực và khả năng thực hiện các nội dung Chương trình, dự kiến tiến độ thực hiện Chương trình như sau:

- Năm 2026:

+ Hoàn thiện các cơ chế, chính sách và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

+ Tập trung hoàn thành mục tiêu Chương trình năm 2026 được cấp có thẩm quyền giao.

- Năm 2027 - 2029: Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

+ Năm 2028: Tổ chức kiểm tra, đánh giá giữa kỳ Chương trình.

+ Năm 2029: Đánh giá cuối kỳ.

- Năm 2030: Tổ chức tổng kết thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, đề xuất Chương trình giai đoạn 2031 - 2035.

IV. CÁC DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Nâng cao năng lực mạng lưới y tế cơ sở

1.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị cho y tế cơ sở

1.1.1. Mục tiêu chung:

Đầu tư cơ sở hạ tầng và thiết bị y tế cho y tế cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định về mô hình sáp nhập, sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Tỷ lệ Trạm Y tế xã, phường có cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu tối thiểu về không gian chức năng theo quy định của Bộ Y tế đạt 100%.

b) Tỷ lệ Trạm Y tế xã, phường, có đủ danh mục thiết bị để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Bộ Y tế đạt 100%.

1.1.3. Đối tượng: Các Trạm Y tế xã, phường.

1.1.4. Nội dung hoạt động:

- Đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng các Trạm Y tế cấp xã đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 23/2026/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn về thiết kế Trạm Y tế xã, phường.

- Mua sắm thiết bị cho Trạm Y tế cấp xã đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 22/2026/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn danh mục máy móc, thiết bị cơ bản phục vụ hoạt động chuyên môn của Trạm Y tế xã, phường.

1.1.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng & công nghiệp tỉnh phối hợp Sở Y tế, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện.

1.2. Tiểu dự án 2: Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cho y tế cơ sở

1.2.1. Mục tiêu chung:

Phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng phục vụ y tế cơ sở.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể:

Hỗ trợ đào tạo chuyên khoa Y học gia đình cho ít nhất 62 bác sĩ tại Trạm Y tế xã, phường, phân đầu đến năm 2030 mỗi Trạm Y tế có ít nhất 01 bác sĩ Y học gia đình; đồng thời đào tạo sau đại học cho 126 bác sĩ công tác tại các bệnh viện, bao gồm các Trung tâm Y tế khu vực dự kiến chuyển đổi thành bệnh viện đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa khu vực. Tổng số đào tạo sau đại học là 188 bác sĩ, trong đó 71 bác sĩ được đào tạo năm cuối và dự kiến tốt nghiệp trong giai đoạn tiếp theo.

1.2.3. Đối tượng:

- Bác sĩ đang làm việc tại Trạm Y tế cấp xã; đã được cấp chứng chỉ hoặc giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong thời gian còn hiệu lực; tuổi không quá 45 tuổi.

- Bác sĩ ngành phù hợp đang làm việc tại trung tâm y tế khu vực (kể cả các Trung tâm Y tế khu vực chuyển đổi sang Bệnh viện đa khoa) hoặc bệnh viện khu vực trên địa bàn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều

kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới; đã được cấp chứng chỉ hoặc giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong thời gian còn hiệu lực; tuổi không quá 45 tuổi.

1.2.4. Nội dung hoạt động

Đào tạo bác sĩ chuyên khoa thực hiện theo hướng dẫn, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo chuyên sâu sau đại học thuộc lĩnh vực sức khỏe cấp văn bằng bác sĩ nội trú, bác sĩ chuyên khoa của Bộ Y tế:

- Đào tạo bác sĩ chuyên khoa các chuyên ngành: Nội khoa, ngoại khoa, sản phụ khoa, nhi khoa, hồi sức cấp cứu, truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới, y học cổ truyền và y học gia đình cho bác sĩ tại Trung tâm y tế (kể cả các Trung tâm Y tế khu vực chuyển đổi sang Bệnh viện đa khoa), Bệnh viện khu vực.

- Đào tạo bác sĩ chuyên khoa y học gia đình cho bác sĩ tại Trạm Y tế cấp xã. Ưu tiên bác sĩ tại Trạm Y tế cấp xã trên địa bàn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới.

1.2.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

1.3. Tiểu dự án 3: Đổi mới hoạt động, cung ứng dịch vụ tại cơ sở y tế

1.3.1. Mục tiêu chung:

Đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động của y tế cơ sở; cung ứng dịch vụ chăm sóc ban đầu có chất lượng dễ tiếp cận, liên tục, toàn bộ vòng đời, chú trọng giải quyết các vấn đề sức khỏe của các nhóm trọng điểm: phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các nhóm yếu thế khác; sàng lọc và phát hiện sớm, quản lý các bệnh mạn tính, chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, quản lý, tư vấn sức khỏe người dân.

1.3.2. Mục tiêu cụ thể:

a) 100% Trạm Y tế xã, phường trên toàn tỉnh triển khai thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

b) 95% học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông được khám, kiểm tra sức khỏe bao gồm: thể lực, huyết áp, nhịp tim, thị lực, thính lực; phát hiện các trường hợp suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì, giảm thị lực, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, rối loạn sức khỏe tâm thần và các bệnh tật khác tùy theo mỗi cấp học khác nhau.

c) 80% người từ 18 đến 69 tuổi được đánh giá nguy cơ, sàng lọc lồng ghép các bệnh không lây nhiễm (tim mạch, đột quỵ, đái tháo đường, ung thư cổ tử cung, ung thư vú, phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản, rối loạn sức khỏe tâm thần) theo hướng dẫn của Bộ Y tế ít nhất 1 lần trong mỗi giai đoạn 5 năm.

d) 70% người từ 40 đến 69 tuổi được xét nghiệm đường máu để phát hiện tăng đường huyết ít nhất 1 lần trong mỗi giai đoạn 5 năm; 70% người từ 40 đến 69 tuổi được đo lưu lượng đỉnh để xác định nguy cơ bệnh hô hấp mạn tính ít nhất 1 lần trong mỗi giai đoạn 5 năm.

đ) 50% phụ nữ được định kỳ sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú và ung thư cổ tử cung theo hướng dẫn chuyên môn (30-49 tuổi đối với ung thư cổ tử cung và 40-59 tuổi đối với ung thư vú) ít nhất 1 lần trong mỗi giai đoạn 5 năm.

e) 90% người phát hiện nghi ngờ mắc bệnh không lây nhiễm được lập danh sách theo dõi, tư vấn; ít nhất 60% người phát hiện nghi ngờ mắc bệnh không lây nhiễm được khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý theo hướng dẫn chuyên môn;

f) 90% người phát hiện nghi ngờ mắc rối loạn sức khỏe tâm thần được lập danh sách theo dõi, tư vấn; ít nhất 60% người phát hiện nghi ngờ mắc rối loạn sức khỏe tâm thần được khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý theo hướng dẫn chuyên môn.

g) 100% người mắc tăng huyết áp và đái tháo đường đang được quản lý, điều trị tại các cơ sở y tế trên toàn tỉnh được định kỳ đánh giá chức năng thận theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

h) 70% phụ nữ mang thai được khám thai kết hợp xét nghiệm HIV, viêm gan B và giang mai.

i) 60% số xã, phường triển khai được mô hình chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời.

k) 50% Trạm Y tế xã, phường, thực hiện được việc hướng dẫn, tổ chức tập luyện dưỡng sinh tại cộng đồng.

1.3.3. Đối tượng:

- Cơ sở y tế, nhân lực y tế cấp xã.
- Cơ sở kết hợp quân dân y
- Toàn bộ người dân, trong đó tập trung các đối tượng: người dễ bị tổn thương; người khuyết tật; người sống ở khu vực khó khăn; phụ nữ mang thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, trẻ em; người cao tuổi; người có công với cách mạng.

1.3.4. Nội dung hoạt động

1.3.4.1. Nội dung 01: Chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ mang thai

a) *Đối tượng*: Phụ nữ có thai khám thai tại Trạm Y tế cấp xã.

b) *Nội dung thực hiện*:

- Cung cấp dịch vụ tư vấn, xét nghiệm HIV, viêm gan B và giang mai cho phụ nữ mang thai trong lần khám thai đầu tiên để kịp thời can thiệp dự phòng lây truyền cho trẻ sơ sinh (nội dung chuyên môn thực hiện theo Quyết định số 678/QĐ-BYT ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn kỹ thuật các can thiệp dự phòng lây truyền HIV, viêm gan B và giang mai từ mẹ sang con).

- Hỗ trợ kỹ thuật thực hiện hoạt động.

- Thực hiện ghi chép, thống kê, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

c) *Đơn vị thực hiện*:

- Sở Y tế: Chủ trì xây dựng kế hoạch, hướng dẫn triển khai, phân bổ hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc triển khai hoạt động trên địa bàn;

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: Làm đầu mối tổ chức triển khai, hướng dẫn chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật; tổ chức đào tạo, tập huấn; phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc cung ứng, quản lý chất lượng xét nghiệm; tổng hợp, phân tích và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;

- Trạm Y tế cấp xã: Trực tiếp tổ chức khám thai định kỳ, tư vấn và thực hiện hoặc phối hợp thực hiện xét nghiệm HIV, viêm gan B và giang mai cho phụ nữ mang thai trong lần khám thai đầu tiên; quản lý, theo dõi, tư vấn, điều trị hoặc chuyển tuyến đối với các trường hợp có kết quả xét nghiệm dương tính theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế; thực hiện ghi chép, thống kê và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

1.3.4.2. Nội dung 02: Triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời

a) *Đối tượng*: Phụ nữ mang thai; bà mẹ, người chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi; trẻ em từ 0 đến dưới 2 tuổi; hộ gia đình có trẻ em dưới 2 tuổi tại xã, phường có triển khai mô hình.

b) *Nội dung thực hiện*:

- Cung cấp dịch vụ chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời tại Trạm Y tế cấp xã:

+ Tổ chức các buổi tư vấn (cá nhân và nhóm) tại Trạm Y tế cấp xã cho phụ nữ mang thai, bà mẹ nuôi con nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước sinh, trong và sau sinh tại Trạm Y tế cấp xã.

+ Tổ chức khám sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng: Phụ nữ mang thai: 4 lần/thai kỳ/người (có thể lồng ghép vào khám thai); trẻ em dưới 2 tuổi: 3 tháng/lần/trẻ (có thể lồng ghép vào khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em).

+ Tổ chức các buổi hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ dựa trên các sản phẩm/thực phẩm tại địa phương.

- Cung cấp dịch vụ chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời tại ấp, khu phố:

+ Tổ chức các buổi sinh hoạt nhóm Nuôi dưỡng trẻ nhỏ.

+ Tổ chức các buổi hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ dựa trên các sản phẩm/thực phẩm tại địa phương.

+ Hỗ trợ kỹ thuật cho việc triển khai mô hình tại địa phương.

c) Đơn vị thực hiện:

- Sở Y tế: Chủ trì xây dựng kế hoạch, hướng dẫn triển khai hoạt động; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện hoạt động trên địa bàn.

- Cơ quan chuyên môn thuộc Sở Y tế được giao nhiệm vụ: Làm đầu mối tổ chức triển khai hoạt động; hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật cho các đơn vị tuyến xã; tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho nhân viên y tế ấp, khu phố; kiểm tra, giám sát việc triển khai mô hình dinh dưỡng 1000 ngày tại xã; tổng hợp, phân tích và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: Ban hành quyết định triển khai mô hình dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời tại xã.

- Trạm Y tế cấp xã: Trực tiếp tổ chức triển khai mô hình dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế; tổng hợp, thống kê và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

1.3.4.3. Nội dung 03: Dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm tại y tế cơ sở

a) Đối tượng: Toàn bộ người dân.

b) Nội dung thực hiện:

- Thực hiện dự phòng, phát hiện sớm, quản lý bệnh không lây nhiễm tại y tế cơ sở theo Quyết định số 1981/QĐ-BYT ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Y

tế ban hành “Hướng dẫn dự phòng mắc rối loạn tâm thần và quản lý, chăm sóc y tế, xã hội cho người mắc rối loạn tâm thần tại cộng đồng” (sau đây gọi là Quyết định số 1981/QĐ-BYT) và Quyết định số 1983/QĐ-BYT ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “Hướng dẫn kiểm soát yếu tố nguy cơ, người mắc bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng” (sau đây gọi là Quyết định số 1983/QĐ-BYT); Quyết định 1709/QĐ-BYT ngày 12/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Tổ chức lồng ghép, một lần khám phát hiện sớm đồng thời nhiều bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần tại cộng đồng; ưu tiên khám phát hiện sớm 12 bệnh không lây nhiễm phổ biến tại Quyết định 1983/QĐ-BYT và 03 rối loạn tâm thần (trầm cảm, lo âu, sa sút trí tuệ) theo Quyết định số 1981/QĐ-BYT.

- Tổ chức triển khai thăm hộ gia đình lồng ghép tư vấn thay đổi lối sống không lành mạnh, dự phòng, phát hiện dấu hiệu sớm bệnh, quản lý bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần, chăm sóc người bệnh tại gia đình thực hiện theo hướng dẫn triển khai mô hình dự phòng, phát hiện sớm, quản lý bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần được Bộ Y tế phê duyệt.

- Tư vấn thay đổi hành vi đối với các hành vi có hại cho sức khỏe, tư vấn dinh dưỡng, hoạt động thể lực, cách chăm sóc giảm nhẹ cho người mắc bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần tại Trạm Y tế cấp xã thực hiện theo hướng dẫn triển khai mô hình dự phòng, phát hiện sớm, quản lý bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần được Bộ Y tế phê duyệt.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện dự phòng, khám phát hiện sớm, quản lý bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

1.3.4.4. Nội dung 04: Triển khai mô hình tập luyện dưỡng sinh nâng cao sức khỏe tại cộng đồng

a) Đối tượng: Trạm Y tế cấp xã; người dân trên địa bàn xã, phường.

b) Nội dung thực hiện: xây dựng kế hoạch thực hiện và tổ chức triển khai hướng dẫn tập luyện dưỡng sinh tại cộng đồng theo quy trình kỹ thuật Khí công dưỡng sinh trị liệu tại Quyết định số 486/QĐ-BYT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tài liệu chuyên môn Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành y học cổ truyền, cụ thể như sau:

- Tổ chức khảo sát, lựa chọn địa điểm tại Trạm Y tế cấp xã hoặc địa điểm phù hợp để tổ chức hướng dẫn, tập luyện dưỡng sinh thường xuyên.

- Trang bị dụng cụ tập luyện cơ bản.

- Tổ chức các nhóm luyện tập theo lịch cố định 01 buổi/tuần trên địa bàn xã, phường.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ tình nguyện viên/cộng tác viên hướng dẫn tại cộng đồng.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

1.3.4.5. Nội dung 05: Hỗ trợ thực hiện nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em

a) Đối tượng: Nhân viên y tế; nhân viên y tế ấp, khu phố.

b) Nội dung thực hiện:

- Nâng cao năng lực cho nhân viên y tế về khám thai định kỳ; tư vấn và xét nghiệm dự phòng lây truyền HIV, viêm gan B và giang mai từ mẹ sang con; chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến tỉnh và cán bộ bệnh viện thực hiện quản lý các tai biến sản khoa, phản hồi, đáp ứng tình trạng tử vong mẹ.

- Giám sát hỗ trợ kỹ thuật của Ban giám sát tử vong mẹ và đáp ứng tỉnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh các cấp trong tỉnh.

c) Đơn vị thực hiện:

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và các bệnh viện, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực, tập huấn, cập nhật kiến thức do Trung ương tổ chức.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật làm đầu mối xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực, tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ y tế của cơ sở y tế các cấp tại tỉnh.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật làm đầu mối tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực, tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ y tế cấp tỉnh và cấp xã.

- Ban giám sát tử vong mẹ và đáp ứng tỉnh, thành phố (Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật là đơn vị thường trực): Trung tâm Kiểm soát bệnh tật là đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch và tham mưu cho Sở Y tế:

- + Tổ chức hoạt động quản lý tai biến sản khoa;

- + Tổ chức hoạt động của Ban giám sát tử vong mẹ và đáp ứng tỉnh, thành phố theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế;

+ Tổ chức giám sát hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh các cấp thuộc tỉnh về quản lý tai biến sản khoa và giám sát, phản hồi, đáp ứng từ vọng mẹ.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật là đơn vị đầu mối lập kế hoạch và triển khai áp dụng các nội dung chuyên môn sau đào tạo; thực hiện ghi chép, thống kê, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

1.3.4.6. Nội dung 06: Khám sàng lọc, kiểm tra sức khỏe học sinh; khám phát hiện, tư vấn điều trị và chuyển tuyến các bệnh, tật học đường cho toàn bộ học sinh trên phạm vi toàn tỉnh.

a) *Đối tượng:* Toàn bộ học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông trên phạm vi toàn tỉnh.

b) *Nội dung thực hiện:*

- Thực hiện kiểm tra sức khỏe học sinh theo quy định của Bộ Y tế. Thời gian thực hiện từ năm 2026.

- Thực hiện khám sàng lọc phát hiện bệnh, tật học đường và tư vấn điều trị (thừa cân béo phì, tật khúc xạ, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, rối loạn sức khỏe tâm thần) theo quy định của Bộ Y tế về khám sàng lọc bệnh, tật. Việc khám sàng lọc bệnh, tật học đường được phối hợp trong kiểm tra sức khỏe đầu năm học hoặc khám sức khỏe hoặc khám sức khỏe định kỳ cho người học. Thời gian thực hiện từ năm 2028.

c) *Đơn vị thực hiện:* Sở Y tế phối hợp Sở Giáo dục và đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai kiểm tra sức khỏe học sinh, khám sàng lọc phát hiện, tư vấn điều trị các bệnh, tật học đường cho toàn bộ học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh.

1.3.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và đào tạo và với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

1.4 Tiểu dự án 4: Chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi và tư vấn sức khỏe toàn diện

1.4.1. Mục tiêu chung:

Xây dựng hệ thống y tế cơ sở hiện đại, thân thiện và hiệu quả thông qua ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ban đầu, quản lý sức khỏe người dân chủ động và toàn diện, đồng thời tăng cường kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu y tế, quản lý các dữ liệu chương

trình, các đối tượng liên quan để phục vụ người dân nhanh chóng, chính xác, kịp thời và thuận lợi cho đánh giá, giám sát của cơ quan quản lý.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Phần đầu 100% Trạm Y tế xã triển khai nền tảng Trạm Y tế xã phục vụ quản lý toàn diện các hoạt động theo chức năng nhiệm vụ.

b) Phần đầu 100% Trạm Y tế xã, phường triển khai mô hình bác sĩ gia đình và ứng dụng thiết bị y tế thông minh, trí tuệ nhân tạo trong theo dõi, chăm sóc sức khỏe chủ động của người dân tại nhà.

c) Phần đầu 100% người dân được tạo lập hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân trên Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử và kết nối liên thông với Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID.

d) Phần đầu 100% người dân được cập nhật, quản lý hồ sơ sức khỏe định kỳ hằng năm.

đ) Phần đầu 100% người dân được tư vấn chăm sóc sức khỏe trên Nền tảng tư vấn, khám chữa bệnh từ xa.

e) Phần đầu 100% cán bộ Trạm y tế được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số.

1.4.3. Đối tượng: Các Trạm Y tế cấp xã và toàn bộ người dân.

1.4.4. Nội dung hoạt động

1.4.4.1. Nội dung 01: Triển khai nền tảng Trạm Y tế xã

a) *Đối tượng:* Các Trạm Y tế cấp xã trên địa bàn tỉnh.

b) *Nội dung thực hiện:*

- Triển khai Nền tảng Trạm Y tế xã thống nhất trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị, đường truyền và các điều kiện kỹ thuật phục vụ vận hành nền tảng theo hướng dẫn tại Thông tư số 22/2026/TT-BYT; bảo đảm đáp ứng các quy định của pháp luật liên quan về an toàn thông tin, an ninh mạng.

c) *Đơn vị thực hiện:* Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

1.4.4.2. Nội dung 02: Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số cho cán bộ Trạm Y tế.

a) *Đối tượng*: Cán bộ Trạm Y tế cấp xã; ưu tiên cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ phụ trách chuyển đổi số.

b) *Nội dung thực hiện*: Đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số cho cán bộ Trạm Y tế.

c) *Đơn vị thực hiện*: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xác định nhu cầu đào tạo, cử người đi học, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí đi học cho người được cử đi học.

1.4.4.3. Nội dung 03: Thực hiện triển khai Gói dịch vụ về ứng dụng công nghệ thông tin: Dịch vụ 38 Quản lý hồ sơ sức khỏe của người dân thông qua Nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử và Dịch vụ 39 Tư vấn sức khỏe người dân sử dụng Nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa được quy định tại Thông tư 30/2024/TT-BYT ngày 04/11/2024 của Bộ Y tế ban hành quy định danh mục, nội dung gói dịch vụ y tế cơ bản do Trạm Y tế xã, phường thực hiện.

a) *Đối tượng*: Người dân.

b) *Nội dung thực hiện*:

- Triển khai Gói dịch vụ về chuyển đổi số: Dịch vụ 38 Quản lý hồ sơ sức khỏe của người dân thông qua Nền tảng Trạm Y tế xã và Dịch vụ 39 Tư vấn sức khỏe người dân sử dụng Nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa được quy định tại Thông tư số 30/2024/TT-BYT.

- Nội dung, địa điểm, tần suất thực hiện, đối tượng theo hướng dẫn tại Thông tư số 30/2024/TT-BYT.

- Quản lý hồ sơ sức khỏe của người dân sử dụng Nền tảng Trạm Y tế xã.

- Tư vấn sức khỏe người dân sử dụng Nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa.

c) *Đơn vị thực hiện*: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện.

1.4.4.4. Nội dung 04: Tổ chức triển khai mô hình bác sĩ gia đình và ứng dụng thiết bị y tế thông minh trong theo dõi, chăm sóc sức khỏe chủ động của người dân tại nhà

a) *Đối tượng*: Người dân.

b) *Nội dung thực hiện*:

- Tổ chức triển khai quản lý, chăm sóc sức khỏe theo nguyên lý y học gia đình cho cá nhân, hộ gia đình gắn với quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, quản lý sức

khỏe toàn dân và Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa nhằm theo dõi, quản lý và chăm sóc sức khỏe liên tục cho người dân tại cộng đồng.

- Ứng dụng các thiết bị y tế thông minh, thiết bị theo dõi sức khỏe từ xa và các công cụ số phù hợp để thu thập, cập nhật, theo dõi các chỉ số sức khỏe của người dân phục vụ công tác quản lý, tư vấn và chăm sóc sức khỏe tại nhà.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số, thiết bị y tế thông minh và các ứng dụng phục vụ theo dõi, quản lý sức khỏe tại nhà.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

1.4.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

2. Dự án 2: Nâng cao hiệu quả hệ thống phòng bệnh và nâng cao sức khỏe

2.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư thiết bị cho hệ thống phòng bệnh và nâng cao sức khỏe tại tuyến tỉnh

2.1.1. Mục tiêu chung:

Đầu tư thiết bị cho CDC tỉnh đủ năng lực phát hiện các tác nhân gây dịch, bệnh; giám sát chất lượng nước sạch, vệ sinh trường học.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật được đầu tư thiết bị xét nghiệm tác nhân, kháng nguyên, kháng thể các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm lưu hành, nguy cơ cao ở tỉnh; giám sát chất lượng nước sạch, vệ sinh trường học theo quy định của Bộ Y tế.

2.1.3. Đối tượng: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

2.1.4. Nội dung hoạt động

Đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật phục vụ giám sát, phòng, chống dịch bệnh, gồm thiết bị định danh vi khuẩn, kháng sinh đồ, sinh học phân tử, phân tích đa tác nhân và các thiết bị cần thiết khác; đầu tư hiện đại hóa hệ thống phòng thử nghiệm phục vụ giám sát chất lượng nước sạch và vệ sinh trường học.

2.1.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển

khai thực hiện.

2.2. Tiểu dự án 2: Phòng, chống chủ động dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm

2.2.1. Mục tiêu chung:

Phòng, chống chủ động dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong cao; góp phần chấm dứt dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét, viêm gan vi rút và bệnh phong vào năm 2030 và tiếp tục duy trì thành quả đến năm 2035.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Nâng cao năng lực cán bộ hệ thống phòng bệnh thông qua đào tạo dịch tễ học thực địa (FETP) đạt 50% số xã có cán bộ chuyên trách được đào tạo FETP.

b) Góp phần giảm số người nhiễm HIV được phát hiện mới đạt mức dưới 200 trường hợp/năm vào năm 2030.

c) Góp phần tăng tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng nhiễm HIV của mình từ 87,3% lên 95% vào năm 2030 và duy trì đến năm 2035.

d) Góp phần tăng tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được tiếp cận dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV đạt từ 80% trở lên đối với nhóm nghiện chích ma túy, đạt từ 80% trở lên đối với phụ nữ bán dâm và đạt từ 90% trở lên đối với nhóm MSM.

đ) Góp phần tăng tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng HIV được điều trị ARV đạt 95%.

e) Góp phần giảm tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con xuống dưới 2%.

g) Thực hiện đạt tiêu chí loại trừ bệnh sốt rét.

h) Góp phần giảm tỷ lệ mới mắc Lao xuống dưới 100/100.000 dân.

i) Sàng lọc bệnh lao cho 60.000 - 63.000 người nguy cơ cao.

k) Tăng số trẻ từ 7-12 tháng tuổi sinh ra từ bà mẹ nhiễm viêm gan B được xét nghiệm HBsAg đạt 10.800 trẻ nhằm theo dõi tình trạng lây truyền HBV từ mẹ sang con, góp phần giảm lây truyền vi rút viêm gan B từ mẹ sang con.

l) Tăng số người nhiễm vi rút viêm gan B được chẩn đoán đạt 295.000 người.

m) Tăng số người nhiễm vi rút viêm gan C được chẩn đoán đạt 13.600 người.

n) 100% người mắc bệnh phong trong cộng đồng được biết tình trạng bệnh của mình;

o) 100% người tiếp xúc gần (trong gia đình hoặc cộng đồng) với bệnh nhân phong được khám tiếp xúc để sàng lọc bệnh phong;

p) Giảm tỷ lệ bệnh nhân phong mới phát hiện có tàn tật độ 2 xuống dưới 30%.

2.2.3. *Đối tượng*: Người dân; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia triển khai tiểu dự án

2.2.4. *Nội dung hoạt động*:

2.2.4.1. *Nội dung 01: Hoạt động giám sát trọng điểm các bệnh truyền nhiễm*:

a) *Đối tượng*: Người mắc bệnh truyền nhiễm, người bị nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm (sốt xuất huyết, tay chân miệng, dịch hạch, cúm mùa, COVID-19, một số tác nhân gây bệnh đường hô hấp khác) và trung gian truyền bệnh truyền nhiễm tại các địa điểm được lựa chọn thực hiện giám sát trọng điểm.

b) *Nội dung thực hiện*:

- Tổ chức triển khai công tác giám sát trọng điểm theo quy định tại Thông tư số 15/2026/TT-BYT, hướng dẫn chuyên môn của Cục Phòng bệnh và kế hoạch giám sát trọng điểm cấp quốc gia của Bộ Y tế.

- Tổng hợp kết quả giám sát trọng điểm báo cáo Viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Pasteur.

c) *Đơn vị thực hiện*: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện

2.2.4.2. *Nội dung 02: Hoạt động thí điểm tiêm chủng 4 loại vắc xin gồm sốt xuất huyết, viêm màng não do não mô cầu, thủy đậu và tay chân miệng*

a) *Đối tượng*: Cán bộ y tế các cấp và người dân trên địa bàn được lựa chọn triển khai thí điểm.

b) *Nội dung thực hiện*:

- Tổ chức tiếp nhận vắc xin (sốt xuất huyết, viêm màng não do não mô cầu, thủy đậu, tay-chân-miệng), dây chuyền lạnh, vật tư tiêm chủng.

- Tổ chức tiêm chủng 4 loại vắc xin gồm sốt xuất huyết, viêm màng não do não mô cầu, thủy đậu và tay chân miệng.

- Khảo sát, thu thập số liệu, đánh giá kết quả, tổ chức hội nghị, hội thảo công bố kết quả thí điểm.

c) *Đơn vị thực hiện*: Sở Y tế phối hợp triển khai thí điểm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hướng dẫn của các Viện Vệ sinh dịch tễ/Pasteur theo phân công địa bàn phụ trách.

2.2.4.3. *Nội dung 03: Đánh giá miễn dịch cộng đồng đối với các bệnh ưu tiên có vắc xin phòng (sởi, bạch hầu, ho gà) để chủ động đề xuất các chiến dịch*

tiêm chủng chủ động phòng chống dịch:

a) *Đối tượng:* Người dân thuộc diện lấy mẫu xét nghiệm miễn dịch đối với các bệnh ưu tiên có vắc xin phòng (sởi, bạch hầu, ho gà) tại các địa điểm được lựa chọn đánh giá miễn dịch cộng đồng.

b) *Nội dung thực hiện:*

- Tổ chức triển khai thực hiện đánh giá miễn dịch cộng đồng tại địa phương cho đối tượng là người dân thuộc diện lấy mẫu xét nghiệm miễn dịch đối với các bệnh ưu tiên có vắc xin phòng (sởi, bạch hầu, ho gà).

- Tổng hợp kết quả đánh giá miễn dịch cộng đồng để báo cáo Viện Vệ sinh dịch tễ/Pasteur.

c) *Đơn vị thực hiện:* Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

2.2.4.4. Nội dung 04: Tổ chức đào tạo dịch tễ học thực địa (FETP)

a) *Đối tượng:* cán bộ chuyên trách triển khai công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm, y tế dự phòng tại tỉnh; cán bộ chuyên trách của Trạm Y tế cấp xã.

b) *Nội dung thực hiện:*

- Tham gia đào tạo dịch tễ học thực địa cơ bản dành cho cán bộ chuyên trách triển khai công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm, y tế dự phòng; tham gia tập huấn cho các giảng viên, hướng dẫn viên thực địa và các đào tạo khác có liên quan.

- Thực hiện đào tạo dịch tễ học thực địa cơ bản cho đối tượng là các cán bộ chuyên trách của Trạm Y tế cấp xã.

c) *Đơn vị thực hiện:* Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

2.2.4.5. Nội dung 05: Hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

a) *Đối tượng:*

- Nhân viên tiếp cận cộng đồng được quy định tại Điều 6 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) số 64/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2020/QH14 (sau đây gọi chung là Luật Phòng, chống HIV/AIDS).

- Người được cung cấp các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS được quy định tại Khoản 3 Điều 1 Luật Phòng, chống HIV/AIDS, Nghị định số 63/2021/NĐ-CP và Nghị định số 141/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng,

chống HIV/AIDS.

b) Nội dung thực hiện:

- Triển khai các hoạt động tiếp cận với nhóm nguy cơ cao lây nhiễm HIV, tổ chức các hoạt động tư vấn giảm kỳ thị, phân biệt đối xử, cung cấp vật phẩm giảm hại, tăng cường xét nghiệm HIV sàng lọc và tư vấn bạn tình bạn chích.

- Hỗ trợ nhân viên tiếp cận cộng đồng triển khai các hoạt động tiếp cận với nhóm có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được quy định tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP.

- Tổ chức mua sắm sinh phẩm xét nghiệm HIV, các xét nghiệm phục vụ theo dõi, điều trị, thuốc kháng HIV, bao cao su, bơm kim tiêm sạch.

- Mở rộng và thực hiện can thiệp giảm hại và dự phòng lây nhiễm HIV: cung cấp bơm kim tiêm sạch, bao cao su miễn phí, tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực cho các tổ chức cộng đồng, khu vực tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS.

- Triển khai tư vấn, xét nghiệm HIV tại cơ sở y tế và cộng đồng và tự xét nghiệm: cung cấp test kit, lấy mẫu, xét nghiệm (bao gồm xét nghiệm đa tác nhân, kỹ thuật xét nghiệm mới phát hiện sớm bao gồm cả trẻ dưới 18 tháng tuổi); Giám sát trọng điểm nhóm nguy cơ cao lây nhiễm HIV: lựa chọn đối tượng, phạm vi, cung cấp test kit, sinh phẩm xét nghiệm, lấy mẫu, tiến hành xét nghiệm và phân tích kết quả.

- + Tại cơ sở y tế và trong các cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giam giữ khác: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TTBYT hướng dẫn tư vấn phòng, chống HIV/AIDS tại cơ sở y tế.

- + Tại cộng đồng và tự xét nghiệm HIV: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2673/QĐ-BYT ngày 27/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn tư vấn, xét nghiệm HIV tại cộng đồng.

- + Đối với phụ nữ mang thai: Thực hiện theo Thông tư số 09/2021/TTBYT quy định quy trình, thời điểm, số lần xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai; chăm sóc, điều trị đối với phụ nữ nhiễm HIV trong thời kỳ mang thai, khi sinh con, cho con bú và các biện pháp nhằm giảm lây nhiễm HIV từ mẹ sang con.

- + Quy trình kỹ thuật thực hiện xét nghiệm HIV: Thực hiện theo Quyết định số 2674/QĐ-BYT ngày 27/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn quốc gia xét nghiệm HIV.

- + Quy trình thông báo kết quả xét nghiệm HIV: Thực hiện theo quy định

tại Thông tư số 04/2023/TT-BYT quy định hình thức, quy trình thông báo kết quả xét nghiệm HIV dương tính và tiếp cận thông tin người nhiễm HIV.

+ Triển khai các xét nghiệm phục vụ chẩn đoán, theo dõi và điều trị HIV/AIDS theo Quyết định số 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS, Quyết định số 1112/QĐ-BYT ngày 26/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn xét nghiệm tải lượng HIV và Quyết định số 2674/QĐ-BYT ngày 27/4/2018 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quốc gia xét nghiệm HIV.

- Tư vấn, chuyển gửi, kết nối đối tượng có nguy cơ từ xét nghiệm HIV đến các cơ sở cung cấp dịch vụ dự phòng, điều trị liên quan đến HIV phù hợp theo quy định tại Quyết định số 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS.

- Hỗ trợ điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV (Mở rộng cung cấp dịch vụ tại các cơ sở y tế công lập, tư nhân và cộng đồng, tập huấn, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật tăng cường năng lực cho các cơ sở cung cấp dịch vụ) nhằm nâng cao hiệu quả dự phòng và giảm lây nhiễm HIV trong cộng đồng:

+ Điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV bằng thuốc kháng HIV (PrEP) theo quy định tại Nghị định số 63/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Phòng, chống HIV/AIDS và Quyết định số 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS cho người dưới 16 tuổi; người từ đủ 16 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng; học sinh, sinh viên, học viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục; người không tiếp cận được Bảo hiểm y tế.

+ Điều trị HIV/AIDS theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BYT quy định việc quản lý điều trị người nhiễm HIV, người phơi nhiễm với HIV tại các cơ sở y tế và Quyết định số 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS cho người không tiếp cận được Bảo hiểm y tế.

- Tham dự tập huấn, hội nghị, hội thảo do Trung ương tổ chức về bổ sung kiến thức nâng cao kỹ năng chuyên môn về các hoạt động dự phòng bao gồm can thiệp giảm tác hại, tư vấn xét nghiệm HIV, điều trị methadone, điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV (PrEP), điều trị ARV, quản lý dữ liệu và triển khai các hoạt động; triển khai mô hình hướng đến cách tiếp cận lấy người bệnh làm trung tâm, hỗ trợ toàn diện cho người nhiễm HIV, hướng đến mục tiêu giảm kỳ thị, phân biệt đối xử liên quan đến HIV/AIDS, cải thiện chất lượng cuộc sống của người sống chung với HIV. Triển khai tập huấn nâng cao năng lực tuyến tỉnh, tuyến xã

về phòng, chống HIV/AIDS theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

2.2.4.6. Nội dung 06: Hoạt động phòng, chống sốt rét

a) Đối tượng: Toàn bộ người dân.

b) Nội dung thực hiện:

- Giám sát, phòng chống sốt rét theo quy định tại Quyết định số 4922/QĐ-BYT ngày 25/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “Hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh sốt rét”.

- Tổ chức mua và cung cấp thuốc điều trị dự phòng cho các đối tượng có nguy cơ cao theo quy định tại Quyết định số 3377/QĐ-BYT ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh sốt rét”; hóa chất, vật tư phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều trị dự phòng.

- Tham gia các lớp tập huấn giảng viên tuyến tỉnh về dự phòng, chẩn đoán và điều trị sốt rét; tham dự Hội nghị tổng kết hàng năm của tuyến Trung ương.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ tuyến xã nâng cao năng lực chuyên môn về dự phòng, chẩn đoán và điều trị sốt rét.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

2.2.4.7. Nội dung 07: Hoạt động phòng, chống lao

a) Đối tượng:

- Cán bộ y tế tại tuyến tỉnh, xã, cộng tác viên y tế làm công tác phòng chống lao.

- Bệnh nhân lao các thể được phát hiện và quản lý điều trị.

- Người tiếp xúc gần với bệnh nhân lao, các nhóm nguy cơ cao.

b) Nội dung thực hiện

- Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ y tế tuyến tỉnh, tuyến xã; cán bộ y tế các bệnh viện khu vực; bệnh viện đa khoa trên địa bàn theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế về chẩn đoán điều trị và dự phòng bệnh lao.

- Giám sát định kỳ, đánh giá hằng năm hệ thống phòng chống lao tuyến xã và hoạt động phòng chống lao của các bệnh viện khu vực; bệnh viện đa khoa trên địa bàn theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế về chẩn đoán điều trị và dự phòng bệnh lao.

- Mua và cung cấp thuốc lao cho người không tham gia bảo hiểm y tế nhằm

bảo đảm đủ thuốc điều trị cho bệnh nhân Lao theo nội dung chỉ đạo tại Công điện số 25/CD-TTg ngày 25/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng, chống bệnh lao.

- Tổ chức triển khai khám sàng lọc chủ động, phát hiện tích cực bệnh lao theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế về chẩn đoán điều trị và dự phòng bệnh lao; triển khai hoạt động phát hiện chủ động, tích cực bệnh lao, lao tiềm ẩn, một số bệnh hô hấp tại cộng đồng và cơ sở y tế.

- Thực hiện ghi chép, thống kê, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả triển khai hoạt động tại địa phương.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế chỉ đạo đơn vị đầu mối phòng, chống lao tuyến tỉnh (Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Lao và bệnh phổi, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật) và các đơn vị y tế liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

2.2.4.8. Nội dung 08: Hoạt động phòng, chống bệnh viêm gan vi rút

a) Đối tượng:

- Người được xét nghiệm sàng lọc viêm gan vi rút B tại mục II Quyết định số 1740/QĐ-BYT ngày 16/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị viêm gan vi rút B”, Quyết định số 678/QĐ-BYT ngày 26/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn kỹ thuật các can thiệp dự phòng lây truyền HIV, viêm gan B và giang mai từ mẹ sang con và Quyết định số 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS.

- Người được xét nghiệm sàng lọc viêm gan vi rút C gồm người bệnh HIV và người có nguy cơ cao nhiễm HIV (người đang điều trị methadone, người điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV - PrEP, người tiêm chích ma túy) theo Quyết định số 3286/QĐ-BYT ngày 05/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Kế hoạch điều trị viêm gan vi rút C ở người nhiễm HIV và người có hành vi nguy cơ cao giai đoạn 2024-2026, Quyết định số 2855/QĐ-BYT ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh viêm gan vi rút C” và Quyết định số 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS.

b) Nội dung thực hiện:

- Tổ chức mua sắm sinh phẩm xét nghiệm viêm gan vi rút.

- Triển khai xét nghiệm sàng lọc viêm gan vi rút B, C cho một số đối tượng nguy cơ cao tại cộng đồng, cơ sở y tế theo hướng dẫn tại Quyết định số 1740/QĐ-

BYT ngày 16/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị viêm gan vi rút B”, Quyết định số 2855/QĐ-BYT ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh viêm gan vi rút C; Quyết định số 678/QĐ-BYT ngày 26/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn kỹ thuật các can thiệp dự phòng lây truyền HIV, viêm gan B và giang mai từ mẹ sang con; Quyết định số 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS.

- Triển khai xét nghiệm HBsAg cho trẻ em từ 7-12 tháng tuổi sinh ra từ bà mẹ nhiễm HBV nhằm theo dõi tình trạng HBV từ mẹ sang con theo hướng dẫn tại Quyết định số 1740/QĐ-BYT ngày 16/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị viêm gan vi rút B”, Quyết định số 678/QĐ-BYT ngày 26/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn kỹ thuật các can thiệp dự phòng lây truyền HIV, viêm gan B và giang mai từ mẹ sang con và Quyết định số 7130/QĐ-BYT ngày 29/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia tiến tới loại trừ HIV, Viêm gan B và giang mai lây truyền từ mẹ sang con giai đoạn 2018-2030;

- Triển khai hội nghị, hội thảo, tập huấn cho cán bộ tuyến tỉnh, tuyến xã nâng cao năng lực chuyên môn về dự phòng, chẩn đoán và điều trị viêm gan vi rút theo hướng dẫn tại Quyết định số 1740/QĐ-BYT ngày 16/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị viêm gan vi rút B”, Quyết định số 2855/QĐ-BYT ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh viêm gan vi rút C; Quyết định số 678/QĐ-BYT ngày 26/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn kỹ thuật các can thiệp dự phòng lây truyền HIV, viêm gan B và giang mai từ mẹ sang con; Quyết định số 5968/QĐ-BYT ngày 31/12/2021 về việc ban hành hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS.

- Đánh giá tình hình nhiễm HBV và HCV trong cộng đồng.

- Nâng cao năng lực dự phòng và điều trị viêm gan: Nâng cao năng lực cho bác sĩ, nhân viên y tế các tuyến về điều trị viêm gan B, C; chuyển gửi điều trị viêm gan B, C; Nâng cao năng lực cho cán bộ chăm sóc sức khỏe sinh sản về cung cấp dịch vụ dự phòng lây truyền viêm gan vi rút từ mẹ sang con.

- Nâng cao năng lực báo cáo phát hiện các bệnh viêm gan.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện.

2.2.4.9. Nội dung 09: Hoạt động phòng, chống bệnh phong:

a) Đối tượng:

- Cán bộ y tế: tuyến tỉnh, tuyến xã; cộng tác viên y tế, người tình nguyện làm công tác chống phong.

- Bệnh nhân phong mới phát hiện đang điều trị, bệnh nhân phong đang trong giai đoạn giám sát, bệnh nhân phong xuất hiện cơn phản ứng, bệnh nhân khuyết tật do phong.

- Người tiếp xúc gần với bệnh nhân phong thuộc nhóm khám tiếp xúc và uống thuốc điều trị dự phòng.

- Người mắc bệnh da được khám sàng lọc nhằm phát hiện bệnh phong mới.

b) Nội dung thực hiện:

- Tập huấn nâng cao năng lực giảng viên tuyến tỉnh và cán bộ y tế tuyến xã, cộng tác viên y tế, người tình nguyện làm công tác chống phong trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh phong theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Mua và cung cấp thuốc, vật tư phục vụ điều trị, chăm sóc khuyết tật, điều trị cơ phản ứng đối với nhóm mới mắc, bệnh nhân trong giai đoạn giám sát và nhóm tiếp xúc gần (không thuộc phạm vi chi trả bảo hiểm y tế) theo Quyết định số 4416/QĐ-BYT ngày 06/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn Chẩn đoán và điều trị các bệnh Da liễu”.

- Triển khai giám sát và khám sàng lọc chủ động theo quy định tại Thông tư số 15/2026/TT-BYT.

- Điều trị, chăm sóc khuyết tật, điều trị cơ phản ứng đối với nhóm mới mắc, bệnh nhân trong giai đoạn giám sát và nhóm tiếp xúc gần (không thuộc phạm vi chi trả của Bảo hiểm y tế) theo Quyết định số 4416/QĐ-BYT ngày 6/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn Chẩn đoán và điều trị các bệnh Da liễu”.

- Hỗ trợ cho cán bộ y tế, cộng tác viên y tế, người tình nguyện làm công tác chống phong trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà.

- Hỗ trợ cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

2.2.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển

khai thực hiện.

2.3. Tiểu dự án 3: Phòng, chống bệnh không lây nhiễm; bệnh tật phổ biến lứa tuổi học đường và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý

2.3.1. Mục tiêu:

Tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, đẩy mạnh các biện pháp dự phòng, phát hiện sớm và quản lý điều trị để hạn chế sự gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh, tàn tật và tử vong sớm do các bệnh không lây nhiễm; thiếu/thừa dinh dưỡng và các rối loạn sức khỏe tâm thần nhằm góp phần bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, tầm vóc, trí tuệ của Nhân dân và phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Nâng cao sức khỏe cho trẻ em, học sinh thông qua các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, tăng cường công tác dự phòng và điều trị kịp thời bệnh tật học đường.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

a) 100% cán bộ phụ trách công tác y tế trường học cấp xã và nhân viên y tế trong các trường học được tập huấn về phát hiện sớm bệnh, tật và dự phòng các yếu tố nguy cơ gây bệnh, tật học đường.

b) Dự phòng, phát hiện, quản lý, điều trị lồng ghép phòng chống yếu tố nguy cơ các bệnh không lây nhiễm phổ biến tại cộng đồng.

c) Tỷ lệ thiếu kẽm huyết thanh thấp ở trẻ em 6-59 tháng tuổi giảm xuống dưới 40%.

d) Tỷ lệ thừa cân béo phì của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 10% (khu vực thành phố ở mức dưới 11%, khu vực nông thôn ở mức dưới 7%); người trưởng thành 19-64 tuổi ở mức dưới 20%.

2.3.3. Đối tượng: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, các Trạm Y tế xã, phường và toàn bộ người dân.

2.3.4. Nội dung hoạt động:

2.3.4.1. Nội dung 01: Hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần

a) ***Đối tượng:*** Người dân.

b) ***Nội dung thực hiện:***

- Triển khai mô hình thí điểm về giám sát, dự phòng, phát hiện sớm, quản lý bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần tại cộng đồng.

- Tham gia tập huấn, giám sát hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực về giám sát, dự phòng, phát hiện sớm, quản lý lồng ghép các bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần tại cộng đồng do Trung ương tổ chức.

- Tham gia tập huấn và giám sát, hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực về sơ cấp cứu, chẩn đoán, điều trị, quản lý, chăm sóc giảm nhẹ, phục hồi chức năng bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần tại các cơ sở y tế do Trung ương tổ chức.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo; tập huấn, theo dõi, hỗ trợ kỹ thuật lồng ghép hoặc theo từng lĩnh vực cho Trạm Y tế cấp xã.

- Tổ chức các điều tra, đánh giá; tổ chức dự phòng, phát hiện sớm, quản lý bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế trên địa bàn tỉnh.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

2.3.4.2. Nội dung 02: Hoạt động phòng, chống các bệnh tật phổ biến lứa tuổi học đường:

a) Đối tượng: Cán bộ phụ trách công tác y tế trường học cấp xã và nhân viên y tế trong các trường học.

b) Nội dung thực hiện:

- Tham gia tập huấn về khám sàng lọc phát hiện bệnh, tật học đường và tư vấn điều trị (thừa cân béo phì, tật khúc xạ, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng và rối loạn sức khỏe tâm thần) do Trung ương tổ chức.

- Tập huấn cho tuyến xã về khám sàng lọc phát hiện bệnh, tật học đường và tư vấn điều trị (thừa cân béo phì, tật khúc xạ, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng và rối loạn sức khỏe tâm thần).

- Giám sát vệ sinh trường học, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật công tác y tế trường học.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

2.3.4.3. Nội dung 03: Can thiệp, bảo đảm dinh dưỡng cộng đồng

a) Đối tượng: Cán bộ y tế và người dân trên toàn tỉnh.

b) Nội dung thực hiện:

- Can thiệp, bảo đảm dinh dưỡng cộng đồng thực hiện các hoạt động dinh dưỡng theo vòng đời và theo nhóm đối tượng nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng (các thể thiếu dinh dưỡng và thừa cân, béo phì), thiếu vi chất dinh dưỡng, rối loạn

chuyển hóa và các bệnh không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng; góp phần nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực của người dân theo quy định của Luật Phòng bệnh, Nghị định số 165/2026/NĐ-CP, Thông tư số 15/2026/TT-BYT, Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2045, Quyết định số 1982/QĐ-BYT ngày 01/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tài liệu “Hướng dẫn chuyên môn các biện pháp thực hiện dinh dưỡng trong phòng bệnh”, Quyết định số 1709/QĐ-BYT ngày 12/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các hướng dẫn chuyên môn khác của Bộ Y tế.

- Mua sắm, bảo quản, vận chuyển, cấp phát và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng, đa vi chất dinh dưỡng/chế phẩm, thực phẩm, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, tài liệu, vật tư, nguyên vật liệu sinh phẩm, hóa chất và các phương tiện phục vụ triển khai các hoạt động dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 34 Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 (sau đây gọi chung là Luật Phòng bệnh) và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 85 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh và các quy định hiện hành.

- Hoạt động nâng cao năng lực: Thực hiện các hoạt động xây dựng, in ấn, hiệu đính, dịch thuật, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, phổ biến tài liệu chuyên môn; đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng, hướng dẫn, tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật về dinh dưỡng trong phòng bệnh cho cán bộ y tế, cán bộ các ngành liên quan và các đối tượng theo quy định của Luật Phòng bệnh.

- Hoạt động khảo sát, điều tra (bao gồm điều tra trọng điểm), giám sát và đánh giá về tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần, tiêu thụ thực phẩm, thiếu vi chất dinh dưỡng, các yếu tố nguy cơ và các bệnh không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng.

- Hoạt động can thiệp dinh dưỡng: Tổ chức triển khai các biện pháp can thiệp dinh dưỡng trong phòng bệnh theo quy định của Luật Phòng bệnh, Nghị định số 165/2026/NĐ-CP, Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Triển khai các chương trình, chiến dịch truyền thông, lễ phát động giáo dục dinh dưỡng, các sự kiện truyền thông và các hoạt động hưởng ứng theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Xây dựng, triển khai và nhân rộng các chương trình, mô hình can thiệp: Tổ chức xây dựng, hướng dẫn, điều phối, triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá và nhân rộng các chương trình, mô hình can thiệp dinh dưỡng phù hợp với từng nhóm đối tượng, điều kiện kinh tế - xã hội, vùng miền và địa bàn theo quy định của cấp có thẩm quyền.

c) Đơn vị thực hiện:

- Sở Y tế tổ chức triển khai nội dung chuyên môn trên địa bàn; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, tổng hợp và báo cáo kết quả theo quy định. Phổ biến tài liệu, hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo, tập huấn cho các cán bộ trên địa bàn và các hoạt động khác được phân công.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trạm Y tế cấp xã và các cơ sở y tế theo phân cấp tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn; hướng dẫn, hỗ trợ tuyến dưới; điều tra, giám sát, đánh giá, truyền thông, đào tạo, tập huấn, tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng, truyền thông, can thiệp dinh dưỡng và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định và các hoạt động khác được phân công.

2.3.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung: 01, 02, 03; Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp hướng dẫn, thực hiện nội dung 02 liên quan lĩnh vực giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

3. Dự án 3: Dân số và phát triển

3.1. Tiểu dự án 1: Khuyến khích các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con

3.1.1. Mục tiêu chung

Khuyến khích cặp nam, nữ thanh niên kết hôn trước 30 tuổi, cặp vợ chồng và cá nhân sinh đủ hai con.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

Tăng thêm **ít nhất 5%** số phụ nữ sinh đủ hai con trên toàn tỉnh so với năm 2025.

3.1.3. Đối tượng:

- Nam, nữ thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ mang thai, sinh con và sinh đủ hai con.

- Cán bộ y tế - dân số, cán bộ tư pháp, cán bộ làm công tác gia đình, cộng tác viên dân số.

3.1.4. Nội dung hoạt động

3.1.4.1. Khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi

a) Nội dung 01: Cung cấp kiến thức liên quan trực tiếp đến việc chuẩn bị kết hôn cho nam nữ thanh niên; đến việc mang thai và nuôi con nhỏ cho phụ nữ mang thai, nuôi con nhỏ trên nền tảng số

- In ấn, cấp phát các tài liệu liên quan trực tiếp đến việc chuẩn bị kết hôn cho nam nữ thanh niên; đến việc mang thai và nuôi con nhỏ cho phụ nữ mang

thai, nuôi con nhỏ cho địa phương.

- Định kỳ tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ y tế - dân số các cấp.
- Hàng năm, lựa chọn 50% số cấp xã tổ chức ít nhất 01 cuộc tọa đàm, nói chuyện chuyên đề về chia sẻ kiến thức, kỹ năng về việc chuẩn bị kết hôn cho nam nữ thanh niên; việc mang thai và nuôi con nhỏ cho các cặp vợ chồng trẻ, bà mẹ mang thai, bà mẹ nuôi con nhỏ.

b) Nội dung 02: Khuyến khích nam nữ kết hôn trước 30 tuổi

(1) Hàng năm, lựa chọn 20% số cấp xã tổ chức ít nhất 01 cuộc tọa đàm chủ đề về việc chuẩn bị kết hôn (kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản, chuẩn bị cuộc sống vợ chồng, giá trị gia đình) cho nam, nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn.

(2) Tổ chức khóa học tiền hôn nhân cho nam, nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn:

- Tham gia tập huấn định kỳ 02 năm/lần về nội dung, phương pháp, kỹ năng và sử dụng tài liệu để tổ chức các khóa học trước kết hôn cho nam, nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn do Trung ương tổ chức.

- Tổ chức tập huấn cho giảng viên, báo cáo viên cấp xã về nội dung, phương pháp, kỹ năng và sử dụng tài liệu để tổ chức các khóa học trước kết hôn cho nam, nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn định kỳ 2 năm /lần.

- Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn, sinh hoạt chuyên đề tại cộng đồng cho nam, nữ thanh niên và các cặp vợ chồng trẻ.

- Hàng năm, lựa chọn 20% số cấp xã tổ chức ít nhất 01 hội nghị để cập nhật kiến thức, kỹ năng về các chủ đề hôn nhân và gia đình; sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục; mang thai và sinh con; sử dụng và quản lý tài chính gia đình cho nam, nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn.

(3) Nâng cao kiến thức pháp luật về hôn nhân và gia đình và về trợ giúp pháp lý cho nam, nữ trước kết hôn: Xây dựng tài liệu, tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật về hôn nhân và gia đình; phổ biến pháp luật về hôn nhân và gia đình và về trợ giúp pháp lý cho nam, nữ trước kết hôn; nghiên cứu, đánh giá và triển khai các giải pháp nâng cao kiến thức pháp luật về hôn nhân và gia đình và về trợ giúp pháp lý cho nam, nữ trước kết hôn.

c) Nội dung 03: Phát huy vai trò của gia đình trong thực hiện chính sách dân số

- Phối hợp triển khai tài liệu truyền thông, tài liệu bồi dưỡng kiến thức chính sách dân số, số hóa tài liệu;

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho người làm công tác gia đình

và cộng tác viên công tác gia đình ở ấp, khu phố;

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách dân số đối với các thành viên trong gia đình.

3.1.4.2. Khuyến khích sinh đủ hai con:

a) Nội dung 01: Cung cấp kiến thức, nâng cao năng lực cho cán bộ y tế - dân số cấp xã về triển khai các chính sách khuyến khích sinh đủ hai con và các dịch vụ y tế liên quan.

Tổ chức tập huấn, hội nghị phổ biến cho cán bộ y tế - dân số các cấp, cộng tác viên dân số về triển khai các chính sách khuyến khích sinh đủ hai con và các dịch vụ y tế liên quan.

b) Nội dung 02: Tổ chức phát động phong trào khuyến khích các cặp vợ chồng, cá nhân sinh đủ hai con.

- Hằng năm, tổ chức phát động phong trào và biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong thực hiện phong trào trên toàn tỉnh; tổ chức các hội thi, liên hoan tuyên truyền; tọa đàm, tuyên truyền giáo dục, tư vấn, nói chuyện chuyên đề, đối thoại chính sách cho nam, nữ thanh niên, cặp vợ chồng trẻ trên địa bàn.

- Hằng năm, lựa chọn 50% số cấp xã triển khai phong trào khuyến khích; biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong thực hiện phong trào khuyến khích các cá nhân, cặp vợ chồng sinh con, sinh đủ hai con và phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi; tổ chức các hội thi, liên hoan tuyên truyền; tọa đàm, tuyên truyền giáo dục, tư vấn, nói chuyện chuyên đề, đối thoại chính sách cho nam, nữ thanh niên, cặp vợ chồng trẻ trên địa bàn.

- Giám sát, hỗ trợ kỹ thuật thực hiện phong trào tại cấp xã.

3.1.4.3. Dự phòng vô sinh tại cộng đồng cho các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ

a) Nội dung 01: Tổ chức hướng dẫn cán bộ y tế - dân số các cấp.

Tham gia các lớp tập huấn về kỹ năng tư vấn, truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn về dự phòng vô sinh tại cộng đồng do Trung ương tổ chức.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ y tế - dân số về tuyên truyền, tư vấn, dự phòng vô sinh tại cộng đồng.

b) Nội dung 02: Tổ chức các đợt tư vấn tuyên truyền về các yếu tố nguy cơ gây vô sinh và tầm quan trọng của khám sức khỏe sinh sản định kỳ.

- Hằng năm lựa chọn 10% số cấp xã, ưu tiên các xã, phường có khu công nghiệp, tại mỗi xã, phường tổ chức ít nhất 01 đợt chiến dịch truyền thông, tư vấn tuyên truyền tại cộng đồng về các yếu tố nguy cơ gây vô sinh và tầm quan trọng

của khám sức khỏe sinh sản định kỳ gồm các nội dung sau:

- + Tổ chức chiến dịch truyền thông, tuyên truyền tại các xã, phường.
- + Lập danh sách các đối tượng có nguy cơ vô sinh.
- + Tư vấn cho nam, nữ thanh niên về các yếu tố nguy cơ gây vô sinh.
- + Lựa chọn các cơ sở y tế đủ điều kiện tổ chức hỗ trợ khám, tư vấn, test nhanh Chlamydia trachomatis đối với các đối tượng có nguy cơ sau khi được tư vấn theo Hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.
- + Lập danh sách và hỗ trợ trực tiếp các đối tượng tham gia đợt tư vấn thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; xã thuộc khu vực biên giới đất liền.
- Giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật thực hiện hoạt động tại cấp xã.

c) Nội dung 03: Thí điểm tầm soát cho cặp vợ chồng đã kết hôn trên 12 tháng có nguy cơ vô sinh tại các xã có địa bàn khu công nghiệp.

- Hằng năm, tổ chức chiến dịch tuyên truyền trên địa bàn xã về các yếu tố nguy cơ gây vô sinh và tầm quan trọng của khám sức khỏe sinh sản định kỳ gồm các nội dung sau:

- + Tổ chức chiến dịch truyền thông, tuyên truyền trên địa bàn xã.
- + Tư vấn cho cặp vợ chồng về các yếu tố nguy cơ gây vô sinh.
- + Lựa chọn các cơ sở y tế đủ điều kiện tổ chức hỗ trợ khám, tư vấn và các dịch vụ kỹ thuật y tế sàng lọc một số nguy cơ dẫn đến vô sinh gồm: Khám, xét nghiệm, siêu âm, sàng lọc, chiếu, chụp theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế cho các cặp vợ chồng có nguy cơ vô sinh sau khi được tư vấn.
- + Lập danh sách và hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, xã thuộc khu vực biên giới đất liền khi tham gia hoạt động khám, sàng lọc; hỗ trợ trực tiếp người tham gia tổ chức, truyền thông, tư vấn, khám, sàng lọc, giám sát chuyên môn và hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình triển khai hoạt động theo quy định.

- Giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật thực hiện hoạt động tại cấp xã.

3.1.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

a) Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện các hoạt động: 3.1.4.1, 3.1.4.2, 3.1.4.3.

b) Sở Tư pháp chủ trì, hướng dẫn thực hiện mục (3) nội dung 02 của hoạt động 3.1.4.1.

c) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung

03 của hoạt động 3.1.4.1.

d) Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp thực hiện nội dung 01 và mục (1), mục (2) nội dung 02 hoạt động 3.1.4.1.

3.2. Tiểu dự án 2: Thu hẹp khoảng cách mất cân bằng giới tính khi sinh

3.2.1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh triển khai các can thiệp ngăn chặn, phòng ngừa mất cân bằng giới tính khi sinh để các cặp vợ chồng thực hiện sinh con theo quy luật sinh sản tự nhiên.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

Tỷ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai sinh ra sống so với 100 bé gái sinh ra sống

3.2.3. Đối tượng:

- Thanh thiếu niên, vị thành niên, thanh niên, nam giới, phụ nữ, trẻ em gái, các cặp vợ chồng;
- Các cơ sở cung cấp dịch vụ (cơ sở y tế; cơ sở sản xuất, cung cấp văn hóa phẩm) liên quan đến lựa chọn giới tính khi sinh;
- Các cơ sở giáo dục (các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông; các trường y);
- Các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có liên quan;
- Các chức sắc tôn giáo;
- Cán bộ y tế - dân số, cộng tác viên dân số.

3.2.4. Nội dung hoạt động

3.2.4.1. Ngăn chặn cung cấp các dịch vụ liên quan đến mất cân bằng giới tính khi sinh

a) Đối tượng

- Các cơ sở cung cấp dịch vụ (cơ sở y tế; cơ sở sản xuất, cung cấp văn hóa phẩm) liên quan đến lựa chọn giới tính khi sinh;
- Các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có liên quan;
- Cán bộ y tế - dân số, cộng tác viên dân số.

b) Nội dung thực hiện:

Thúc đẩy các cơ sở cung cấp dịch vụ tham gia kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh:

- Tổ chức hướng dẫn các cơ sở cung cấp dịch vụ tham gia ngăn chặn cung cấp các dịch vụ liên quan đến mất cân bằng giới tính khi sinh:

- + Tổ chức thu thập, lập biểu; tổng hợp báo cáo thống kê cơ sở cung cấp dịch vụ của địa phương.

- + Tổ chức hội nghị, hội thảo hướng dẫn cơ sở cung cấp dịch vụ.

- + In ấn, cấp phát các tài liệu, xuất bản phẩm cho các cơ sở cung cấp dịch vụ.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và biểu dương, tôn vinh các cơ sở cung cấp dịch vụ tiêu biểu tham gia ngăn chặn cung cấp dịch vụ liên quan đến mất cân bằng giới tính khi sinh (lựa chọn 10% cơ sở để biểu dương).

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

3.2.4.2. Can thiệp phòng ngừa mất cân bằng giới tính khi sinh

a) Đối tượng:

- Các cơ sở giáo dục (các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông; các trường y).

- Thanh thiếu niên, vị thành niên, thanh niên, nam giới, phụ nữ, trẻ em gái, các cặp vợ chồng.

- Cán bộ y tế - dân số, cộng tác viên dân số.

b) Nội dung thực hiện: Tổ chức tháng hành động nhân Ngày Quốc tế Trẻ em gái (ngày 11 tháng 10 hằng năm):

- Tổ chức chuỗi sự kiện có sự tham gia của tổ chức xã hội kết hợp các tin bài, ảnh, phóng sự tại tỉnh vào năm 2026, năm 2028, năm 2030:

- + Phát động tháng hành động nhân Ngày Quốc tế Trẻ em gái trên toàn tỉnh.

- + Triển khai tháng hành động nhân Ngày Quốc tế Trẻ em gái: Tổ chức mít tinh, chiến dịch truyền thông; sản xuất, biên tập, đăng tải, truyền dẫn, phát sóng; tổ chức các buổi tọa đàm, tư vấn, nói chuyện chuyên đề, đối thoại chính sách; thực hiện thông tin, tuyên truyền bằng xuất bản phẩm; các loại hình báo chí; tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

- + Các xã, tổ chức tháng hành động nhân Ngày Quốc tế Trẻ em gái: mít tinh, chiến dịch truyền thông; đăng tải các tin, bài trên đài phát thanh xã; tổ chức các buổi tọa đàm, tư vấn, nói chuyện chuyên đề, đối thoại chính sách, tư vấn, nói chuyện chuyên đề tại cộng đồng; thực hiện thông tin, tuyên truyền bằng xuất bản phẩm; các loại hình báo chí,...

- Tham gia các cuộc thi do Trung ương tổ chức, chủ đề hướng tới nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái (dự kiến năm 2027, năm 2029).

- Giám sát chiến dịch, hỗ trợ kỹ thuật.

c) *Đơn vị thực hiện:* Sở Y tế phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

3.2.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Sở Y tế chủ trì phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện.

3.3. Tiểu dự án 3: Nâng cao chất lượng dân số góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

3.3.1. Mục tiêu chung

Phát triển dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; tăng cường khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình nhằm nâng cao chất lượng dân số về thể chất và trí tuệ.

3.3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Tỷ lệ cặp nam, nữ được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%.

b) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh ít nhất 4 bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70%.

c) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc sơ sinh ít nhất 5 bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 90%.

3.3.3. Đối tượng

- Nam nữ trước khi kết hôn, cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh.

- Thanh thiếu niên, vị thành niên, thanh niên, lao động khu công nghiệp;

- Các bệnh viện chuyên khoa sản, nhi, sản - nhi; bệnh viện đa khoa; Trạm Y tế cấp xã.

- Cán bộ y tế - dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố, cộng tác viên dân số.

3.3.4. Nội dung hoạt động

3.3.4.1. Nghiên cứu, đào tạo nhân lực sàng lọc trước sinh và sơ sinh

a) *Đối tượng:* Bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên công tác tại Bệnh viện phụ sản, Bệnh viện sản – nhi, Bệnh viện đa khoa khu vực, Bệnh viện đa khoa.

b) *Nội dung thực hiện:* Rà soát, cử nhân viên y tế tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, ứng dụng kỹ thuật mới trong sàng lọc trước

sinh, sơ sinh.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

3.3.4.2. Cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn

a) Đối tượng

- Các bác sĩ tại cơ sở khám bệnh ban đầu, cơ sở khám chữa bệnh cơ bản.
- Cán bộ y tế - dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố, cộng tác viên dân số.

b) Nội dung thực hiện: Nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn:

- Tổ chức đào tạo chuyên môn nghiệp vụ về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn cho các bác sĩ tại cơ sở cung cấp dịch vụ thuộc: Bệnh viện tuyến tỉnh/trung tâm y tế khu vực /bệnh viện đa khoa; Trạm Y tế xã/phường.

- Tham dự đào tạo giảng viên, báo cáo viên cấp tỉnh về phương pháp, kỹ năng và nội dung tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn vào năm 2027, năm 2029.

- Hằng năm, lựa chọn 50% cấp xã tổ chức tập huấn phương pháp, kỹ năng và nội dung tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn cho cộng tác viên dân số.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động theo hướng dẫn chuyên môn tại Quyết định số 3472/QĐ-BYT ngày 7/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

3.3.4.3. Cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

a) Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh.
- Đối tượng thụ hưởng đặc thù: cơ sở y tế thu thập mẫu và cơ sở y tế thực hiện các kỹ thuật sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh.

b) Nội dung thực hiện:

Cung cấp gói dịch vụ sàng lọc trước sinh cho tất cả phụ nữ mang thai đủ 04 bệnh cơ bản: Hội chứng Down, hội chứng Edwards, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia (tan máu bẩm sinh) và gói dịch vụ sàng lọc sơ sinh cho tất cả trẻ sơ sinh đủ 05 bệnh cơ bản: Suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, bất thường tim bẩm sinh nặng cho tất cả phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh.

Giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật.

c) *Đơn vị thực hiện:* Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

3.3.4.4. Thúc đẩy sự tham gia, kết nối, chia sẻ cập nhật thông tin về di cư và sức khỏe người di cư:

Tham gia tập huấn về hướng dẫn triển khai thỏa thuận toàn cầu về di cư, sức khỏe người di cư do Trung ương tổ chức vào các năm 2027, 2029.

Tổ chức Hội thảo tập huấn cho cán bộ dân số - y tế cấp xã vào các năm 2027, 2029.

3.3.4.5. Giáo dục, phổ biến pháp luật về kiến thức pháp luật hôn nhân và gia đình, quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm nuôi dưỡng con cái, chăm sóc bố mẹ và các vấn đề có liên quan, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý khi họ gặp các vấn đề về pháp luật liên quan đến hôn nhân và gia đình.

3.3.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

- a) Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện các hoạt động
- b) Sở Tư pháp chủ trì, hướng dẫn hoạt động 3.3.4.5.

3.4. Tiểu dự án 4: Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

3.4.1. Mục tiêu chung

Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi góp phần thích ứng với già hóa dân số.

3.4.2. Mục tiêu cụ thể

- a) 90% số xã, phường có ít nhất 01 câu lạc bộ có nội dung chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.
- b) 90% người cao tuổi được chăm sóc sức khỏe tại nhà, tại cộng đồng.

3.4.3. Đối tượng:

- Người cao tuổi, người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi.
- Cán bộ y tế - dân số; cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố; tình nguyện viên, người thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

3.4.4. Nội dung hoạt động

3.4.4.1. Tổ chức khám một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi

a) Đối tượng

- Người cao tuổi cư trú trên địa bàn.
- Cán bộ y tế - dân số; cộng tác viên dân số; người thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

b) Nội dung thực hiện:

- Hằng năm, lựa chọn 50% số xã, phường trên địa bàn để tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám, phát hiện sớm một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi (không trùng lặp với hoạt động khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân). Lựa chọn bệnh thường gặp ở người cao tuổi phù hợp tình hình bệnh tật của người cao tuổi tại địa phương để tổ chức chiến dịch tại các xã được lựa chọn. Nội dung hoạt động như sau:

- + Tuyên truyền, vận động người cao tuổi, người thân thực hiện chăm sóc người cao tuổi tham gia chiến dịch.
- + Lập danh sách người cao tuổi tham gia chiến dịch để khám, theo dõi sức khỏe.
- + Tổ chức khám, phát hiện sớm một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.
- + Tư vấn, cung cấp kiến thức, kỹ năng chăm sóc, nâng cao sức khỏe cho người cao tuổi và người thân thực hiện chăm sóc người cao tuổi trước, trong và sau khám theo hướng dẫn chuyên môn tại Quyết định số 1976/QĐ-BYT ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

3.4.4.2. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng

a) Nội dung 01: Tổ chức chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- Đối tượng:
 - + Người cao tuổi, người thân thực hiện chăm sóc người cao tuổi.
 - + Cán bộ y tế - dân số; cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố; tình nguyện viên, người thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.
- Nội dung thực hiện:
 - + Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người làm công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, cán bộ quản lý, giảng viên, báo cáo viên là cán bộ y tế - dân số, cán bộ thuộc các cơ quan là thành viên Ban chỉ đạo dân số và phát triển tỉnh. Nội dung theo hướng dẫn chuyên môn tại Quyết định số

1976/QĐ-BYT ngày 01/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng (Quyết định số 1976/QĐ-BYT).

+ In ấn, cấp phát, tài liệu hướng dẫn kỹ năng tự chăm sóc, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng cho địa phương.

+ Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cho cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố, tình nguyện viên, người thực hiện công tác chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng. Nội dung theo hướng dẫn chuyên môn tại Quyết định số 1976/QĐ-BYT.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

b) Nội dung 02: Phát triển các câu lạc bộ có nội dung chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

- Đối tượng:

+ Người cao tuổi, người thân thực hiện chăm sóc người cao tuổi là thành viên câu lạc bộ.

+ Cán bộ y tế - dân số; cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố; tình nguyện viên, người thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức hướng dẫn hỗ trợ Trạm Y tế cấp xã để hướng dẫn kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc, chăm sóc sức khỏe; các bài tập nâng cao sức khỏe người cao tuổi cho các thành viên câu lạc bộ.

+ Cung cấp tài liệu cho Trạm Y tế cấp xã để hướng dẫn kỹ năng tự chăm sóc, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng cho các câu lạc bộ.

+ Giám sát, hỗ trợ kỹ thuật chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

3.4.4.3. Phát triển nguồn nhân lực cho khoa lão khoa của bệnh viện, các cơ sở chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi tại cộng đồng, tại nhà

a) Nội dung 01: Tổ chức đào tạo cho các bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên thông qua các khóa đào tạo ngắn hạn, cập nhật kiến thức liên tục từ cơ bản đến chuyên sâu và chuyển giao kỹ thuật chuyên môn.

- Đối tượng: Bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên công tác tại các bệnh viện lão khoa, bệnh viện có khoa lão khoa có nhu cầu và được đơn vị cử tham gia đào tạo theo quy định.

- Nội dung thực hiện: khảo sát nhu cầu đào tạo và cử cán bộ của các bệnh viện lão khoa, khoa lão của các bệnh viện tham gia các khóa đào tạo.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

b) Nội dung 02: Tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật của các bệnh viện tuyến Trung ương nhằm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho khoa lão bệnh viện đa khoa, cơ sở chăm sóc sức khỏe tập trung.

c) Nội dung 03: Thực hiện các nghiên cứu khoa học về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

- Đối tượng nghiên cứu bao gồm: người cao tuổi, người thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; các cơ sở y tế, cơ sở chăm sóc người cao tuổi; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng. Đối tượng nghiên cứu cụ thể được xác định theo đề cương nghiên cứu được Hội đồng khoa học cấp cơ sở của đơn vị chủ trì thực hiện nghiên cứu phê duyệt.

- Nội dung thực hiện: Nghiên cứu đánh giá toàn diện mô hình bệnh tật của người cao tuổi và nhu cầu chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở cộng đồng, làm cơ sở xây dựng chính sách và phát triển dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở cộng đồng.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế.

3.4.4.4. Thích ứng với già hóa dân số và dân số già

a) Nội dung 01: Hướng dẫn chuẩn bị cho tuổi già từ khi còn trẻ (cung cấp kiến thức, kỹ năng, giáo dục thế hệ trẻ về lối sống lành mạnh, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, lao động, tích lũy) để thích ứng với già hóa dân số

- Nội dung thực hiện: Cung cấp tài liệu hướng dẫn chuẩn bị cho tuổi già từ khi còn trẻ; in ấn, cấp phát cho địa phương.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế.

b) Nội dung 02: Tổ chức hướng dẫn, cung cấp kiến thức, kỹ năng, chuẩn bị cho tuổi già từ khi còn trẻ đối với người từ 40 tuổi trở lên (lối sống lành mạnh, rèn luyện sức khỏe, chăm sóc người cao tuổi tại nhà, chuẩn bị tài chính, lao động, việc làm phù hợp) cho cán bộ y tế - dân số các cấp.

- Nội dung thực hiện:

+ Cung cấp tài liệu; in ấn, cấp phát cho địa phương.

+ Tham gia tập huấn do Trung ương tổ chức.

+ Tổ chức tư vấn hướng dẫn, phổ biến kiến thức, kỹ năng về nội dung chuẩn

bị cho tuổi già đối với đối tượng từ 40 tuổi trở lên trong các hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng; lồng ghép vào các hoạt động văn hóa của địa phương.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện

c) Nội dung 3: Phổ cập kiến thức về chuẩn bị cho tuổi già, già hóa khỏe mạnh trong cộng đồng bằng các loại hình báo chí, xuất bản phẩm, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề

- Nội dung thực hiện:

+ Viết, biên tập tin, bài truyền thông trên báo chí, các trang mạng xã hội, các nền tảng mạng xã hội, đài phát thanh, đài truyền hình về chuẩn bị cho tuổi già, già hóa khỏe mạnh để thích ứng với già hóa dân số.

+ Xây dựng tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, giao lưu trực tuyến trên các trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội, nền tảng mạng xã hội.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

d) Nội dung 4: Phổ biến pháp luật về các nội dung có liên quan đến thích ứng với già hóa dân số, quyền lợi hợp pháp của người cao tuổi và nâng cao khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý cho người cao tuổi thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

3.4.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

a) Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện hoạt động 3.4.4.1, 3.4.4.2, 3.4.4.3, nội dung 01, 02, 03 của hoạt động 3.4.4.4; Hội người cao tuổi tỉnh phối hợp hướng dẫn thực hiện nội dung 02 của hoạt động 3.4.4.2.

b) Sở Tư pháp chủ trì, hướng dẫn nội dung 04 của hoạt động 3.4.4.4.

3.5. Tiểu dự án 5: Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

3.5.1. Mục tiêu chung

Người khuyết tật được phục hồi chức năng và hòa nhập, tham gia bình đẳng vào các hoạt động trong xã hội, phát huy tối đa năng lực của người khuyết tật đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội, giảm tỷ lệ khuyết tật trong cộng đồng.

3.5.2. Mục tiêu cụ thể

a) 90% người khuyết tật được tiếp cận với dịch vụ phục hồi chức năng phù hợp.

b) 90% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm, can thiệp

sớm khuyết tật.

3.5.3. Đối tượng:

- Người khuyết tật, gia đình người khuyết tật; các đối tượng khác có suy giảm chức năng cần phục hồi chức năng tại cộng đồng, trong đó chú trọng người khuyết tật là nạn nhân chất độc da cam/dioxin, người có công, trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật ở vùng sâu vùng xa.

- Người quản lý, cán bộ Trạm Y tế, cán bộ có liên quan, người cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe người khuyết tật, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng có khó khăn.

3.5.4. Nội dung hoạt động

3.5.4.1. *Cung cấp các dịch vụ phục hồi chức năng toàn diện cho người khuyết tật tại cộng đồng*

a) *Nội dung 01: Điều tra hộ gia đình phát hiện người khuyết tật; khám sàng lọc đánh giá, phân loại khuyết tật và xác định nhu cầu cần phục hồi chức năng của người khuyết tật, lập kế hoạch can thiệp phục hồi chức năng.*

- Đối tượng khám sàng lọc:

+ Người khuyết tật đã được xác định, thống kê, lập danh sách.

+ Hộ gia đình, người có nghi ngờ khuyết tật mới chưa được xác định, lập danh sách.

- Nội dung thực hiện:

+ Tập huấn cho người quản lý và triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương theo Hướng dẫn phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng ban hành kèm theo Quyết định số 1213/QĐ-BYT ngày 15/04/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

+ Tổ chức phát phiếu sàng lọc tại cộng đồng lấy thông tin đối với hộ gia đình để lập danh sách người có nghi ngờ khuyết tật nhưng chưa được xác định khuyết tật.

+ Tổ chức đoàn khám sàng lọc cho người khuyết tật (khám chuyên khoa độc lập hoặc kết hợp chuyển giao chuyên môn, kỹ thuật) tại cộng đồng để: đánh giá, phân dạng khuyết tật đối với trường hợp nghi ngờ khuyết tật; đánh giá nhu cầu cần can thiệp phục hồi chức năng đối với người khuyết tật theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định; xây dựng kế hoạch can thiệp phục hồi chức năng toàn diện cho người khuyết tật theo các nội dung y tế, giáo dục, sinh kế, xã hội và tính tự chủ theo nội dung hướng dẫn phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; chuyển giao kỹ thuật phục hồi chức năng. Trường hợp không tổ chức đoàn khám sàng lọc tại cộng đồng thì chuyển khám xác định khuyết tật

tại cơ sở khám chữa bệnh, phục hồi chức năng.

+ Lập hồ sơ quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật trên Hệ thống thông tin Quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật đã ban hành kèm theo Quyết định số 3815/QĐ-BYT ngày 21/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, các cơ quan chuyên môn y tế và các ngành liên quan.

b) Nội dung 02: Phát triển nguồn nhân lực phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

- Đối tượng: Người quản lý và triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương theo Hướng dẫn phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng ban hành kèm theo Quyết định số 1213/QĐ-BYT ngày 15/04/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế, bao gồm: người quản lý và thực hiện phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng của tỉnh/thành phố, xã/phường, nhân viên y tế; Trạm Y tế xã, y tế ấp, khu phố, giáo viên mầm non, tiểu học, nhân viên công tác xã hội, gia đình người khuyết tật và các cán bộ ấp, khu phố khác có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

+ Khảo sát, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực thực hiện phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng của tỉnh, thành phố và tại Trạm Y tế xã, phường. Xây dựng kế hoạch và giải pháp phát triển nguồn nhân lực phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

+ Tổng hợp nhu cầu đào tạo chuyên môn kỹ thuật về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng của cấp tỉnh, xã; tổ chức triển khai các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực, tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực, tập huấn, cập nhật kiến thức do Trung ương tổ chức. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực, tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ cấp tỉnh.

+ Xây dựng khung chương trình đào tạo, chương trình chi tiết cho từng khóa học và tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, ứng dụng kỹ thuật mới về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho bác sỹ, y sỹ, kỹ thuật viên, hộ sinh viên, điều dưỡng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc tỉnh quản lý.

+ Tổ chức chuyển giao kỹ thuật phục hồi chức năng, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho các cơ sở khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng tỉnh/thành phố để nâng cao năng lực nguồn nhân lực giảng viên nguồn của tỉnh về phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

+ Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho các bác sỹ, y sỹ, kỹ thuật viên, hộ sinh viên, điều dưỡng thông qua các khóa đào tạo dài hạn, ngắn hạn, cập nhật kiến thức liên tục từ cơ bản đến chuyên sâu và chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về phục

hồi chức năng.

+ Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho nhân viên y tế và nhân viên công tác xã hội cấp xã, cộng tác viên thông qua các khóa đào tạo dài hạn, ngắn hạn, cập nhật kiến thức liên tục từ cơ bản đến chuyên sâu về quản lý và thực hiện cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho người khuyết tật.

+ Triển khai áp dụng các nội dung chuyên môn sau đào tạo; thực hiện ghi chép, thống kê, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, các cơ quan chuyên môn y tế.

c) Nội dung 03: Tổ chức cung cấp dịch vụ can thiệp phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại Trạm Y tế xã hoặc tại nhà; chỉ định và tư vấn sử dụng dụng cụ trợ giúp phù hợp.

- Đối tượng:

+ Đối tượng thụ hưởng: Người khuyết tật, gia đình người khuyết tật; các đối tượng khác có suy giảm chức năng cần phục hồi chức năng tại cộng đồng, trong đó chú trọng người khuyết tật là nạn nhân chất độc da cam/dioxin, người có công, trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật ở vùng sâu vùng xa.

+ Đối tượng thực hiện: Người quản lý Chương trình, nhân viên phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng ở tỉnh, thành phố, xã, phường; cán bộ, nhân viên Trạm Y tế cấp xã, bác sĩ, kỹ thuật y, điều dưỡng, nhân viên y tế ấp, khu phố, cộng tác viên, người cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe người khuyết tật được phân công.

- Nội dung thực hiện:

+ Tư vấn cho người khuyết tật: các phương pháp phòng bệnh, chữa bệnh, kỹ thuật chăm sóc, thực hiện các hoạt động sinh hoạt hằng ngày và sống độc lập; phục hồi chức năng người khuyết tật, hòa nhập cộng đồng.

+ Tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ gia đình tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, sinh kế, xã hội và tăng tính tự chủ cho gia đình và cho người khuyết tật để giúp họ tăng cường hoạt động chức năng tối đa, tham gia vào mọi hoạt động của cuộc sống, góp phần đóng góp cho gia đình và cộng đồng.

+ Cập nhật thông tin người khuyết tật vào hệ thống thông tin Quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật theo qui định (Quyết định 3815/QĐ-BYT ngày 21/08/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc triển khai hệ thống thông tin Quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng cho người khuyết tật).

+ Hỗ trợ nhân viên y tế thăm hộ gia đình, khám sức khỏe, thực hiện phục hồi chức năng tại nhà, hướng dẫn gia đình về phục hồi chức năng cho người khuyết tật.

+ Chỉ định và tư vấn, cung cấp dụng cụ trợ giúp và chuyển đến cơ sở khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng cấp chuyên môn cơ bản hoặc chuyên sâu trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, các cơ quan chuyên môn y tế.

3.5.4.2. Phòng ngừa khuyết tật ở trẻ và phát hiện sớm - can thiệp sớm trẻ em khuyết tật

a) Đối tượng:

- Đối tượng thụ hưởng: Phụ nữ mang thai; bà mẹ, người chăm sóc trẻ dưới 6 tuổi; trẻ em từ 0 đến dưới 6 tuổi; hộ gia đình có trẻ em dưới 6 tuổi tại xã, phường chú trọng trẻ khuyết tật là nạn nhân chất độc da cam/dioxin; ở vùng sâu vùng xa.

- Đối tượng thực hiện: Người quản lý, nhân viên phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng ở tỉnh, xã: cán bộ, nhân viên Trạm Y tế xã, bác sĩ, kỹ thuật y, điều dưỡng, nhân viên y tế ấp, khu phố, cộng tác viên, người cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe người khuyết tật được phân công.

b) Nội dung thực hiện

- Sàng lọc khuyết tật liên tục ở tất cả trẻ từ 0-6 tuổi bằng ứng dụng phần mềm/APP Sàng lọc sớm, phối hợp với các buổi khám lồng ghép khi tiêm chủng mở rộng cho trẻ hằng tháng.

- Tổ chức khám phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật trẻ em.

- Khám đánh giá, phân dạng khuyết tật và đánh giá nhu cầu can thiệp phục hồi chức năng.

- Hướng dẫn phục hồi chức năng tại nhà cho gia đình hoặc tư vấn chuyển cấp chuyên môn kỹ thuật trong trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn.

- Cập nhật thông tin trẻ khuyết tật vào hệ thống thông tin Quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật theo quy định.

- Nhân viên y tế đến thăm hộ gia đình, thực hiện phục hồi chức năng tại nhà hoặc phục hồi chức năng từ xa.

- Chỉ định, tư vấn cung cấp dụng cụ trợ giúp và chuyển đến cơ sở khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng thuộc cấp chuyên môn cơ bản hoặc chuyên sâu.

- Tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình, tổng hợp báo cáo và tổng kết kết quả thực hiện.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, các cơ quan chuyên môn y tế.

3.5.4.3. Tăng cường năng lực chuyên môn và quản lý, giám sát hệ thống

phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, hỗ trợ toàn diện cho người khuyết tật

a) Nội dung thực hiện:

- Cung cấp thông tin, nâng cao năng lực về phục hồi chức năng cho nhân lực làm công tác phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và cộng đồng bằng các hình thức hội nghị, hội thảo, tập huấn, truyền thông, vận động.
- Nghiên cứu đánh giá việc triển khai hoạt động phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tại Trạm Y tế xã, phường và đề xuất giải pháp.
- Quản lý, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực chuyên môn và quản lý thông tin phục hồi chức năng người khuyết tật theo quy định hiện hành.
- Triển khai hệ thống thông tin Quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật: nhập dữ liệu và quản lý hồ sơ chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật; cập nhật dữ liệu định kỳ hằng tháng (nếu có).
- Thống kê báo cáo: Thống kê báo cáo các chỉ số đánh giá chính và chỉ số phụ để đảm bảo thu thập đủ dữ liệu phản ánh đúng, đủ chỉ tiêu thực hiện hệ thống.
- Theo dõi, hỗ trợ chuyên môn và đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, hỗ trợ toàn diện cho người khuyết tật.
- Tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả và sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình.

b) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, các cơ quan chuyên môn y tế.

3.5.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Hội Người cao tuổi tỉnh, sở, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện.

4. Dự án 4: Nâng cao chất lượng chăm sóc xã hội cho người dễ bị tổn thương

4.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực mạng lưới chăm sóc xã hội toàn diện

4.1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng chăm sóc xã hội, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng và bảo đảm quyền sống, tiếp cận công bằng, an sinh xã hội bền vững cho người dễ bị tổn thương; góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân.

4.1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm tài sản, trang thiết bị cho 01 cơ sở bảo trợ xã hội thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người cao tuổi, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, chăm sóc trẻ em

tự kỷ, nạn nhân chất độc da cam/dioxin, người nhiễm HIV/AIDS, người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp và trung tâm công tác xã hội (sau đây gọi chung là cơ sở).

b) Đầu tư xây mới, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm tài sản, trang thiết bị cho 02 cơ sở bảo trợ xã hội.

c) Thí điểm 01 mô hình chăm sóc bán trú (tại trung tâm công tác xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội) hỗ trợ chăm sóc người khuyết tật nặng, người rối nhiễu tâm trí, trầm cảm, tự kỷ tại nhà được xây dựng và vận hành.

d) Ít nhất 70% cán bộ, viên chức, nhân viên công tác xã hội và cộng tác viên công tác xã hội làm việc tại các xã, phường, cơ sở chăm sóc xã hội và các ngành có liên quan trong lĩnh vực bảo trợ xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, chăm sóc sức khỏe tâm thần và công tác xã hội tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ công tác xã hội, trợ giúp xã hội.

e) Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phát triển cơ sở dữ liệu lĩnh vực bảo trợ xã hội nhằm gia tăng số lượng người sử dụng dịch vụ chăm sóc xã hội.

g) Người dân, cộng đồng được tuyên truyền, định hướng nhằm gia tăng số lượng người dễ bị tổn thương sử dụng dịch vụ chăm sóc xã hội, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng.

4.1.3. Đối tượng

- Người tâm thần, trẻ em tự kỷ, trẻ em dưới 16 tuổi không có người nuôi dưỡng, trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo, nạn nhân chất độc da cam/dioxin, người khuyết tật, người cao tuổi, nạn nhân bị mua bán, người nhiễm HIV/AIDS, đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.

- Đối tượng bảo trợ xã hội, lao động phi chính thức thuộc hộ nghèo ở đô thị và đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương khác.

- Cơ sở chăm sóc xã hội cho người dễ bị tổn thương gồm: cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần; cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em tự kỷ, nạn nhân chất độc da cam/dioxin, người khuyết tật, người cao tuổi và người dễ bị tổn thương khác; cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp; trung tâm công tác xã hội và cơ sở chăm sóc khác.

- Người chăm sóc gồm: người chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em và đối tượng yếu thế khác ở cơ sở chăm sóc xã hội và cộng đồng.

4.1.4. Nội dung hoạt động

a) *Nội dung 01: Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đối với một số cơ sở dưỡng*

lão, cơ sở bảo trợ xã hội thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người cao tuổi, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, chăm sóc trẻ em tự kỷ, nạn nhân chất độc da cam/dioxin, người nhiễm HIV/AIDS, người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp và trung tâm công tác xã hội.

- Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm tài sản, trang thiết bị cho 01 cơ sở bảo trợ xã hội thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người cao tuổi, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, chăm sóc trẻ em tự kỷ, nạn nhân chất độc da cam/dioxin, người nhiễm HIV/AIDS, người khuyết tật; cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp và trung tâm công tác xã hội (sau đây gọi chung là cơ sở).

- Đầu tư xây mới, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm tài sản, trang thiết bị cho 02 cơ sở bảo trợ xã hội.

b) Nội dung 02: Nâng cao năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ người làm công tác xã hội, người chăm sóc người dễ bị tổn thương và các tổ chức về người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi.

- Đối tượng:

+ Sở Y tế, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở trợ giúp xã hội.

+ Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng viên công tác xã hội; người chăm sóc gồm: người chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em và đối tượng yếu thế khác ở cơ sở chăm sóc xã hội và cộng đồng.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng và hoàn thiện chương trình, tài liệu đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức các kỹ năng, nghiệp vụ về công tác xã hội, chăm sóc xã hội, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ, nạn nhân chất độc hóa học/dioxin, người nhiễm HIV/AIDS, người khuyết tật, người cao tuổi, nạn nhân bị mua bán và người dễ bị tổn thương khác.

+ Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người làm công tác xã hội, người chăm sóc người dễ bị tổn thương.

+ Đào tạo kỹ năng chuyên sâu về công tác xã hội, chăm sóc xã hội cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội, người chăm sóc người dễ bị tổn thương, người dễ bị tổn thương.

+ Đào tạo các kỹ năng, phương pháp sàng lọc phát hiện sớm, can thiệp sớm các đối tượng người tâm thần, trẻ em tự kỷ, nạn nhân chất độc hóa học/dioxin, người nhiễm HIV/AIDS, người khuyết tật, nạn nhân bị mua bán; đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ người làm công tác xã hội, người chăm sóc cho người dễ bị tổn thương, người dễ bị tổn thương vận hành hệ thống cơ sở chăm sóc xã hội;

khảo sát, đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ, chuyên đề về chăm sóc xã hội.

+Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng viên công tác xã hội làm công tác chăm sóc xã hội; các tổ chức của người khuyết tật, người cao tuổi và trẻ em:

Bồi dưỡng, tập huấn người chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em, nạn nhân bị mua bán và các tổ chức của người khuyết tật, người cao tuổi, người dễ bị tổn thương về vay vốn, việc làm, đào tạo nghề, tiếp cận giao thông, xây dựng, tư pháp...

Tập huấn cho gia đình đối tượng về kỹ năng, phương pháp chăm sóc xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ, nạn nhân chất độc hóa học/dioxin, người nhiễm HIV/AIDS, người khuyết tật, người cao tuổi, người dễ bị tổn thương tại cộng đồng.

Tập huấn kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ trợ giúp xã hội nhằm nâng cao năng lực cho công chức, viên chức, nhân viên, cộng tác viên và người dân về phòng chống, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thảm họa và các trường hợp khẩn cấp khác; nhất là khu vực thường xuyên xảy ra các hiện tượng thiên tai.

Tập huấn, bồi dưỡng định kỳ; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm; tập huấn giảng viên nguồn cho địa phương; kỹ năng chăm sóc xã hội, phòng ngừa nguy cơ đối với người tâm thần, trẻ em tự kỷ, nạn nhân chất độc hóa học/dioxin, người nhiễm HIV/AIDS, người khuyết tật, người cao tuổi, nạn nhân bị mua bán.

+ Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phát triển cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực chăm sóc xã hội cho người dễ bị tổn thương nhằm mở rộng phạm vi đối tượng và hiệu quả sử dụng dịch vụ chăm sóc xã hội, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng.

Triển khai hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu về bảo trợ xã hội và dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực bảo trợ xã hội, chăm sóc xã hội.

Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phát triển cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực chăm sóc xã hội (bao gồm các dữ liệu về đối tượng sử dụng, quy trình cung cấp dịch vụ, cơ sở cung cấp dịch vụ, người cung cấp dịch vụ) nhằm nâng cao hiệu quả chăm sóc xã hội, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng cho người dễ bị tổn thương.

Nâng cao năng lực về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin cho người làm công tác xã hội, người chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em, nạn nhân bị mua bán và người yếu thế khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận, thụ hưởng dịch vụ chăm sóc xã hội.

Triển khai các ứng dụng trên nền tảng điện thoại thông minh để người dân đăng ký nhu cầu chăm sóc xã hội, sử dụng dịch vụ chăm sóc xã hội, lựa chọn cơ sở chăm sóc xã hội phù hợp; và được tư vấn, hướng dẫn về các dịch vụ chăm sóc xã hội, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng.

Triển khai các phần mềm, ứng dụng để phân tích, dự báo các vấn đề về hỗ trợ chăm sóc, cung cấp các dịch vụ chăm sóc xã hội phù hợp.

Đánh giá, điều tra, khảo sát về chăm sóc người cao tuổi, chăm sóc người khuyết tật, trợ giúp xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, hỗ trợ nạn nhân bom mìn, công tác xã hội, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng, hệ thống chăm sóc xã hội.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện.

c) Nội dung 3: Triển khai thí điểm mô hình chăm sóc bán trú (tại trung tâm công tác xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội) nhằm hỗ trợ chăm sóc người khuyết tật nặng, người rối nhiễu tâm trí, trầm cảm, tự kỷ tại nhà.

- Đối tượng thụ hưởng: Trung tâm công tác xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội.

- Nội dung thực hiện: Triển khai thí điểm mô hình chăm sóc bán trú (tại trung tâm công tác xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội) nhằm hỗ trợ chăm sóc người khuyết tật nặng, người rối nhiễu tâm trí, trầm cảm, tự kỷ tại nhà, gồm các nội dung sau:

+ Xây dựng tài liệu và hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc, trợ giúp người khuyết tật cho người khuyết tật, người rối nhiễu tâm trí, trầm cảm, tự kỷ và gia đình đối tượng.

+ Xây dựng các quy trình chăm sóc người khuyết tật, người rối nhiễu tâm trí, trầm cảm, tự kỷ tại nhà. Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương thực hiện các tiêu chuẩn và quy trình theo quy định, nâng cao chất lượng chăm sóc xã hội cho người khuyết tật, người rối nhiễu tâm trí, trầm cảm, tự kỷ.

+ Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhân viên thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật, người rối nhiễu tâm trí, trầm cảm, tự kỷ.

+ Tổ chức cung cấp dịch vụ chăm sóc xã hội cho người khuyết tật, người rối nhiễu tâm trí, trầm cảm, tự kỷ gồm đánh giá nhu cầu, lập hồ sơ quản lý trường hợp, lập kế hoạch hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng; can thiệp, trị liệu, tham vấn, tư vấn kết hợp với điều trị y tế, chăm sóc sức khỏe, chăm sóc dinh dưỡng và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, Trung tâm công tác xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội và các cơ quan liên quan.

4.1.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung: 01, 02, 03; Công an tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp hướng dẫn thực hiện nội dung 02.

4.2. Tiểu dự án 2: Bảo vệ, chăm sóc, phát triển cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; trẻ em là nạn nhân, bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa; trẻ em bị xâm hại cần được hỗ trợ khẩn cấp

4.2.1. Mục tiêu chung

Đảm bảo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, được bình đẳng tiếp cận với các dịch vụ hỗ trợ, bảo vệ, chăm sóc phát triển toàn diện theo độ tuổi nhằm thực hiện các quyền của trẻ em, góp phần phát triển nguồn nhân lực quốc gia.

4.2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030, ít nhất có 90% trẻ em lao động trái quy định của pháp luật (sau đây gọi là lao động trẻ em) và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em được hỗ trợ, can thiệp;

b) Thành lập ít nhất 03 mô hình bảo vệ trẻ em chuyên biệt, tích hợp và hoạt động hiệu quả;

4.2.3. Đối tượng

- Gia đình, người chăm sóc, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4.2.4. Nội dung hoạt động

a) Nội dung 01: Hỗ trợ thực hiện mô hình bảo vệ trẻ em chuyên biệt, tích hợp (tập trung cho nhóm trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục).

- Đối tượng thụ hưởng:

- + Trẻ em bị xâm hại và trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp khác.
- + Cha mẹ, người chăm sóc trẻ em.

- Nội dung thực hiện:

+ Triển khai thí điểm mô hình; thiết lập và hướng dẫn các hoạt động chuyên môn của mô hình.

+ Mua sắm các trang thiết bị (theo hướng dẫn của Bộ Y tế) phục vụ việc cung cấp dịch vụ cho trẻ em tại mô hình.

+ Thiết lập và cung cấp dịch vụ tại mô hình theo hướng dẫn chuyên môn mô hình bảo vệ trẻ em chuyên biệt, tích hợp của Bộ Y tế.

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ triển khai thực hiện mô hình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

+ Kiểm tra và hỗ trợ kỹ thuật mô hình.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

b) Nội dung 02: Hỗ trợ, can thiệp trẻ em lao động trái quy định của pháp luật và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em:

- Đối tượng thụ hưởng: Lao động trẻ em; trẻ em có nguy cơ.

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em (người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, nhà trường, cơ sở y tế, công an cấp xã, tổ chức chính trị - xã hội, cộng tác viên bảo vệ trẻ em, tổ trưởng dân phố/thôn bản, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động) và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

+ Phát hiện, xác định, lập danh sách lao động trẻ em và trẻ em có nguy cơ:

Xác định lao động trẻ em và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn tại Quyết định số 2010/QĐ-BYT ngày 03/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn quy trình hỗ trợ, can thiệp trẻ em lao động trái quy định của pháp luật và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em.

Định kỳ hàng tháng rà soát, cập nhật danh sách lao động trẻ em, trẻ em có nguy cơ trên địa bàn cấp xã.

+ Hỗ trợ, can thiệp lao động trẻ em và hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em có nguy cơ thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn tại Quyết định số 2010/QĐ-BYT ngày 03/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn quy trình hỗ, can thiệp trẻ em lao động trái quy định của pháp luật và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, các cơ sở y tế, Ủy ban nhân dân cấp xã.

4.2.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện các nội dung: 01, 02.

5. Dự án 5: Truyền thông y tế, quản lý, theo dõi và giám sát thực hiện Chương trình

5.1. Tiểu dự án 1: Truyền thông - giáo dục sức khỏe

5.1.1. Mục tiêu chung

Tăng cường và đổi mới các hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe (TT-GDSK) phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội, thích ứng với bối cảnh truyền thông hiện đại, đảm bảo người dân được trang bị và nâng cao kiến thức, thay đổi hành vi có lợi cho sức khỏe, chủ động chăm sóc sức khỏe và phòng, chống bệnh tật. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ người dân từ 18 tuổi trở lên nhận được thông tin cơ bản về chăm sóc sức khỏe toàn diện qua các hoạt động truyền thông của chương trình đạt ít nhất 60% và đạt 80% vào năm 2035.

5.1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Phấn đấu 100% kênh truyền thông đa phương tiện của cơ quan báo chí tại địa phương tham gia truyền thông và chuyển tải thông điệp của chương trình về TT-GDSK và bảo trợ xã hội đến với các đối tượng đích.

b) Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông trên toàn tỉnh có triển khai các hoạt động truyền thông về các yếu tố nguy cơ gây bệnh, tật học đường và các biện pháp dự phòng đạt 90%.

c) 90% các cán bộ truyền thông tại các CDC tỉnh và các đơn vị y tế thuộc tuyến tỉnh được nâng cao năng lực truyền thông Phòng, chống HIV/AIDS và viêm gan vi rút.

d) Tỷ lệ cán bộ truyền thông tại Trạm Y tế xã, phường và các cơ sở khám, chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế được nâng cao năng lực truyền thông phòng, chống HIV/AIDS và viêm gan vi rút đến năm 2030 đạt 90%.

đ) 70% người dân được tuyên truyền, tiếp cận thông tin và kiến thức về triệu chứng nghi lao, các biện pháp nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh lao.

e) Tỷ lệ xã có triển khai tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý trong gói dịch vụ y tế công cộng cơ bản tại Trạm Y tế xã theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đạt 75%.

g) Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng có chế độ ăn đúng, đủ đạt 80% vào năm 2030.

h) Có ít nhất 03 giảng viên cấp tỉnh được tập huấn về truyền thông nội dung dự phòng và sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

i) 50% số xã có 02 cán bộ y tế được tập huấn về truyền thông nội dung dự phòng và sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú, ung thư cổ tử cung.

k) Tỷ lệ Trạm Y tế xã có cán bộ y tế được phổ biến kiến thức thông qua hội thảo chuyên đề về chuyển đổi số y tế (an toàn thông tin, các nền tảng và ứng dụng số trong ngành y tế) đạt 80%.

5.1.3. Đối tượng: Nhân viên y tế và toàn bộ người dân.

5.1.4. Nội dung hoạt động

a) Nội dung 01: Truyền thông đại chúng, qua mạng xã hội, truyền thông bằng nhiều hình thức

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện truyền thông phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội và bối cảnh truyền thông hiện đại, đảm bảo người dân được tiếp cận kịp thời, chính xác với thông tin chính thống về y tế.

+ Truyền thông bảo đảm dinh dưỡng cộng đồng và học đường: Xây dựng phóng sự, thông tin tuyên truyền về dinh dưỡng cộng đồng và trường học phù hợp với các chiến dịch, sự kiện và hoạt động liên quan tại địa phương

+ Truyền thông bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc:

Truyền thông đại chúng và mạng xã hội về bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm thông qua các hình thức: sản xuất và đăng tải tin bài, tọa đàm, phóng sự, chuyên mục y tế trên truyền hình, phát thanh, báo in, báo điện tử và nền tảng số; phát triển fanpage Facebook, kênh YouTube, TikTok, v.v.

Truyền thông rộng rãi về thực hành đúng an toàn thực phẩm; bảo đảm dinh dưỡng cộng đồng theo Luật an toàn thực phẩm và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Truyền thông nâng cao nhận thức về phòng chống bệnh lao: Xây dựng tin bài, ảnh chuyên đề truyền thông đại chúng trên báo, đài phát thanh, truyền hình tại địa phương; Tổ chức các chương trình tọa đàm về cách phòng, chống bệnh lao, tuyên truyền nâng cao ý thức khám, chữa bệnh lao.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện.

b) Nội dung 02: Truyền thông trực tiếp tại cộng đồng

- Nội dung thực hiện:

+ Truyền thông tại cộng đồng về an toàn thực phẩm: Tổ chức Hội thảo, hội nghị tập huấn, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm tới đối tượng là người quản lý, sản xuất, kinh doanh:

Cung cấp thông tin nhằm nâng cao kiến thức về an toàn thực phẩm để người dân chủ động thực hiện các hành vi có lợi cho sức khỏe, bảo đảm dinh dưỡng đa dạng, hợp lý tại cộng đồng, phòng chống bệnh tật; suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì và thiếu vi chất dinh dưỡng.

Phổ biến kiến thức phòng ngừa nguy cơ ngộ độc thực phẩm, cảnh báo nguy cơ xảy ra các sự cố mất an toàn thực phẩm.

Tuyên truyền, phổ biến kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về an toàn thực phẩm.

+ Truyền thông về các yếu tố nguy cơ gây bệnh, tật học đường tại cơ sở giáo dục: Cung cấp thông tin cho giáo viên, cán bộ công tác tại cơ sở giáo dục, người học và gia đình của người học về các yếu tố nguy cơ gây bệnh, tật học đường trong cơ sở giáo dục nhằm nâng cao kiến thức về phòng tránh các yếu tố nguy cơ gây bệnh, tật học đường theo quy định của phòng bệnh và tài liệu hướng dẫn của Bộ Y tế;

+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về phòng, chống bệnh Lao: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm và các sự kiện phổ biến kiến thức nâng cao nhận thức về phòng, chống bệnh Lao trên phạm vi toàn quốc.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế và các cơ quan chuyên môn y tế.

c) Nội dung 03: Mô hình truyền thông

- Nội dung thực hiện: Tiếp nhận và áp dụng mô hình truyền thông, triển khai hỗ trợ can thiệp cải thiện dinh dưỡng theo các đặc thù địa lý, văn hóa, kinh tế tại cộng đồng và học đường trên địa bàn.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế và các cơ quan chuyên môn y tế.

d) Nội dung 04: Sản xuất tài liệu truyền thông

- Nội dung thực hiện: In ấn sổ tay, tài liệu, ấn phẩm và cấp phát trực tiếp phục vụ phổ biến kiến thức tại cơ sở; xây dựng video, clip, tin bài và sản xuất, biên tập, đăng tải truyền dẫn, phát sóng trên các trang thông tin, nền tảng số (báo địa phương, Fanpage, TikTok, v.v.) của tỉnh.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế và các cơ quan chuyên môn y tế.

e) Nội dung 06: Nghiên cứu, khảo sát

- Nội dung thực hiện: Khảo sát, điều tra thực tế để đánh giá kiến thức, thực hành về an toàn thực phẩm cho 04 (bốn) nhóm đối tượng: người lãnh đạo, quản lý; người sản xuất, chế biến; người kinh doanh; người tiêu dùng thực phẩm theo Quyết định số 75/QĐ-ATTP ngày 27/3/2024 của Cục trưởng Cục An toàn thực phẩm và các tài liệu hướng dẫn chuyên môn về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế định kỳ 02 năm/lần, giai đoạn 2026 - 2030 đánh giá vào năm 2027 và năm 2029.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, Chi cục an toàn thực phẩm và các cơ quan liên quan.

g) Nội dung 07: Đào tạo, nâng cao năng lực

- Nội dung thực hiện:

+ Đào tạo kỹ năng truyền thông về dinh dưỡng:

Tham gia các hội thảo, tập huấn, tọa đàm, lớp giáo dục kỹ năng, truyền thông, tư vấn tại cộng đồng và trường học do Trung ương tổ chức.

Tổ chức các lớp tập huấn, tọa đàm, giáo dục kỹ năng, truyền thông và tư vấn tại cộng đồng về dinh dưỡng phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân/béo phì và các bệnh không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

+ Hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực truyền thông dự phòng và sàng lọc phát hiện sớm ung thư vú (UTV), ung thư cổ tử cung (UTCTC):

Phối hợp tham gia thử nghiệm, đóng góp ý kiến hoàn thiện bộ tài liệu tập huấn trước khi Bộ Y tế ban hành chính thức.

Tham gia tập huấn giảng viên nguồn tuyển tỉnh thời gian 03 ngày/lớp dựa trên bộ tài liệu chuẩn do Trung ương tổ chức. Đối tượng tham gia là cán bộ y tế tuyển tỉnh thuộc hệ thống chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em và sức khỏe sinh sản.

Tổ chức tập huấn cho cán bộ y tế cấp cơ sở về truyền thông nội dung dự phòng và sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC với thời gian 02 ngày/lớp. Đối tượng học viên là cán bộ y tế, người cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, bà mẹ và trẻ em tại tuyến xã, phường.

+ Truyền thông nâng cao năng lực triển khai chương trình phòng, chống HIV/AIDS và các mô hình mới và phòng, chống bệnh viêm gan vi rút: Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo hằng năm từ năm 2026 đến năm 2030 về triển khai chương trình phòng, chống HIV/AIDS và các mô hình mới (mô hình hỗ trợ người sống chung với HIV, nâng cao chất lượng cuộc sống của người nhiễm HIV) hướng đến mục tiêu giảm kỳ thị, phân biệt đối xử liên quan đến HIV/AIDS, đồng thời lồng ghép truyền thông về phòng, chống bệnh viêm gan vi rút.

- Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, các cơ quan chuyên môn y tế.

5.1.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện; Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Nội dung 02 liên quan đến lĩnh vực giáo dục.

5.2. Tiểu dự án 2. Truyền thông dân số

5.2.1. Mục tiêu chung

Nâng cao hiệu quả truyền thông, vận động nhằm thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân về dân số, góp phần tạo môi trường thuận lợi thực hiện mục tiêu dân số và phát triển.

5.2.2. Mục tiêu cụ thể

a) 100% cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức

chính trị - xã hội các cấp được định kỳ cung cấp thông tin và tham gia truyền thông, vận động và giáo dục về dân số.

b) 95% đối tượng đích (cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, vị thành niên, thanh niên, nam, nữ trước kết hôn, người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi) được định kỳ cung cấp thông tin, kiến thức, quy định pháp luật về dân số và phát triển.

c) Hằng năm, ít nhất 75% số báo cáo viên, tuyên truyền viên của các ban, ngành, đoàn thể các cấp được cập nhật, bổ sung nâng cao kiến thức, quy định pháp luật, kỹ năng truyền thông vận động về dân số; 25% cộng tác viên dân số ở ấp, khu phố đơn vị sản xuất được tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng truyền thông dân số tại cộng đồng.

5.2.3. Đối tượng

- Cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, thanh thiếu niên, thanh niên, nam, nữ trước kết hôn, người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi và các nhóm đối tượng khác.

- Cán bộ dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố, cộng tác viên dân số.

- Cán bộ cấp ủy, chính quyền của các cơ quan quản lý nhà nước; Hệ thống tổ chức dân số các cấp; Cán bộ, công chức, viên chức và cộng tác viên dân số; Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Các sở, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.

5.2.4. Nội dung hoạt động

5.2.4.1. Xây dựng thông điệp truyền thông và sản xuất sản phẩm truyền thông

a) *Đối tượng*: Cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, thanh thiếu niên, thanh niên, nam, nữ trước kết hôn, người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi và các nhóm đối tượng khác; công chức, viên chức, hệ thống dân số các cấp, cán bộ dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố, cộng tác viên dân số; Cán bộ cấp ủy, chính quyền của các cơ quan quản lý nhà nước; Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Các bộ, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.

b) *Nội dung thực hiện*:

- In ấn và cấp phát đến các Trạm Y tế xã để làm sản phẩm truyền thông, tuyên truyền.

- Biên tập, đăng tải, phát sóng, phát hành các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm và sản phẩm thông tin, truyền thông khác:

+ Truyền tải thông điệp qua tin nhắn đến các thuê bao di động với tần suất 02 lần/năm nhân các sự kiện Ngày Dân số Thế giới (11/7) và Ngày Dân số Việt

Nam (26/12).

+ Thông tin, tuyên truyền bằng xuất bản phẩm; sản xuất các sản phẩm truyền thông để phổ biến trên nền tảng số và truyền thông trên mạng xã hội như thông điệp truyền hình (TVC - trailer cổ động), tọa đàm (tọa đàm trường quay ghi hình phát sau), phóng sự (phóng sự, phóng sự chính luận, phóng sự điều tra), podcast, tư vấn trực tuyến (chương trình tư vấn trực tiếp), thông điệp phát thanh (radio spot - bản tin chuyên đề ghi âm phát sau) (03-04 sản phẩm/ năm).

+ Thông tin, tuyên truyền bằng các loại hình báo chí: sản xuất sản phẩm truyền thông dân số và phổ biến trên các cơ quan truyền thông đại chúng uy tín (trên các báo, đài) nhân các sự kiện dân số trong năm.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế.

5.2.4.2. Truyền thông vận động và huy động cộng đồng

a) Đối tượng: Cán bộ cấp ủy, chính quyền của các cơ quan quản lý nhà nước; Hệ thống tổ chức dân số các cấp; Công chức, viên chức, cán bộ dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố; Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Các bộ, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội;

b) Nội dung thực hiện:

Định kỳ cung cấp thông tin về tình hình công tác dân số và phát triển tới lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên:

- Triển khai tài liệu chuyên đề do Cục Dân số biên soạn;
- Bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên về dân số và phát triển;
- Tổ chức hội nghị cung cấp thông tin; các buổi tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, đối thoại chính sách.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế.

5.2.4.3 Truyền thông chuyển đổi hành vi cho đối tượng đích tại cơ sở

a) Đối tượng: Cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, thanh thiếu niên, thanh niên, nam, nữ trước kết hôn, người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi và các nhóm đối tượng khác; Cán bộ dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố, cộng tác viên dân số.

b) Nội dung thực hiện

- Nội dung 01: Truyền thông tư vấn nhóm, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ tại xã: người làm công tác y tế - dân số, cộng tác viên dân số, tuyên truyền viên tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề hoặc sinh hoạt các câu lạc bộ cung cấp kiến thức, kỹ năng về dân số.

- Nội dung 02: Biên tập các tin, bài, phát thanh các nội dung truyền thông trên loa đài phát thanh cấp xã hoặc đưa tin trên các trang mạng xã hội. Bình quân mỗi tuần phát thanh 1 tin, bài về dân số.

+ Viết, biên tập các tin, bài để đọc phát trên loa đài truyền thanh cấp xã hoặc truyền thông trên các trang mạng xã hội cấp xã về dân số.

+ Đọc trên loa đài truyền thanh xã các bài tuyên truyền đã biên tập hoặc các tài liệu truyền thông của tuyến trên chuyển xuống.

- Nội dung 03: Tổ chức các hoạt động sự kiện, chiến dịch truyền thông nhân 02 sự kiện dân số hằng năm là ngày Dân số thế giới 11/7 và tháng hành động Quốc gia về dân số, ngày Dân số Việt Nam 26/12.

+ Tổ chức lễ mít tinh, cổ động, diễu hành;

+ Tổ chức tuyên truyền về chủ đề sự kiện trên phương tiện truyền thông trước, trong và sau sự kiện;

+ Xây dựng hệ thống phươn tuyên truyền trên các tuyến giao thông.

+ Giám sát chiến dịch, hỗ trợ kỹ thuật

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế, Trạm Y tế.

5.2.4.4. Nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ dân số

a) Đối tượng: Cán bộ dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố, cộng tác viên dân số.

b) Nội dung thực hiện:

- Tham dự tập huấn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ về truyền thông dân số cho cán bộ y tế - dân số, chú trọng các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và sử dụng AI, nền tảng số, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về công tác dân số để nâng cao hiệu quả truyền thông dân số do Trung ương tổ chức.

- Hằng năm tổ chức huấn luyện nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ về truyền thông dân số cho cán bộ y tế - dân số, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế ấp/khu phố, tuyên truyền viên.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế.

5.2.4.5. Xây dựng mô hình truyền thông mới

a) Đối tượng: Cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, thanh thiếu niên, thanh niên, nam, nữ trước kết hôn, người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi và các nhóm đối tượng khác; Cán bộ, công chức, viên chức, Cán bộ dân số, nhân viên y tế ấp, khu phố, cộng tác viên dân số; Cán bộ cấp

ủy, chính quyền các cấp và các cơ quan quản lý nhà nước; Hệ thống tổ chức dân số các cấp; Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Các bộ, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.

b) Nội dung thực hiện: xây dựng mô hình thí điểm và mở rộng các mô hình truyền thông mới về dân số.

c) Đơn vị thực hiện: Sở Y tế

5.2.5. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

a) Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện.

b) Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Trường Chính trị; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện nội dung 02 của hoạt động 5.2.4.2.

c) Sở Tư pháp thực hiện nội dung 05 của hoạt động 5.2.4.2.

5.3. Tiểu dự án 3: Giám sát, đánh giá Chương trình

5.3.1. Mục tiêu chung

Triển khai quy trình, hệ thống kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình đồng bộ, toàn diện, đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình; Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

5.3.2. Đối tượng:

- Các cơ quan chủ trì, quản lý các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình;
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.
- Người thụ hưởng Chương trình.

5.3.3. Nội dung hoạt động

a) Nội dung 01: Triển khai quy trình, hệ thống kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình:

- Tổ chức triển khai thống nhất quy trình kiểm tra, giám sát, đánh giá tại địa phương; xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm phù hợp với kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn; tổ chức phối hợp giữa các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai Chương trình trên địa bàn; theo dõi tiến độ thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, kết quả giải ngân, việc sử dụng nguồn lực và việc chấp hành các quy định của Chương trình; tổ chức đánh giá đầu kỳ, định kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

b) Nội dung 02: Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Tổ chức thu thập, tổng hợp, kiểm tra, xác minh số liệu từ các đơn vị thực hiện; cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin; lập và gửi báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của số liệu báo cáo.

c) Nội dung 03: Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho cơ quan chủ trì thực hiện các hoạt động của Chương trình và cơ quan, đơn vị tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình:

- Tham gia tập huấn về quy trình, hệ thống chỉ tiêu, biểu mẫu, chế độ báo cáo, hệ thống thông tin và phương pháp thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình trên địa bàn; bảo đảm cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá được đào tạo, cập nhật kiến thức và sử dụng thành thạo hệ thống thông tin, biểu mẫu và quy trình báo cáo theo quy định.

5.3.4. Cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện

Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện.

V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 bao gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư công; kinh phí thường xuyên);
- Vốn ngân sách địa phương (vốn đầu tư công; kinh phí thường xuyên);
- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác theo quy định;
- Vốn huy động hợp pháp khác.

Vốn đầu tư công chỉ được sử dụng để thực hiện 03 nội dung:

(1) Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị y tế cơ sở (Tiểu dự án 1, Dự án 1);

(2) Đầu tư thiết bị cho hệ thống phòng bệnh và nâng cao sức khỏe tuyến tỉnh (Tiểu dự án 1, Dự án 2);

(3) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cơ sở chăm sóc người cao tuổi, cơ sở bảo trợ xã hội (Tiểu dự án 1, Dự án 4). Các nội dung còn lại của Chương trình được bảo đảm bằng kinh phí chi thường xuyên theo quy định.

Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện theo Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ. Hằng năm, căn cứ kế hoạch vốn, dự toán ngân sách trung ương được giao và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết, danh mục dự án, dự toán kinh phí thực hiện từng dự án, tiểu dự án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

Là cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; hướng dẫn, điều phối, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hằng năm và giai đoạn; xác định mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, danh mục hoạt động và nhu cầu kinh phí; phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí, phân bổ, điều chỉnh nguồn lực thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và đội ngũ tham gia thực hiện Chương trình; chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành triển khai các dự án, tiểu dự án và hoạt động chuyên môn theo quy định.

- Phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh trong xác định nhu cầu, quy mô, yêu cầu chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật và danh mục trang thiết bị chuyên ngành y tế đối với các dự án đầu tư thuộc Chương trình; tham gia ý kiến chuyên môn trong quá trình chuẩn bị, nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình, trang thiết bị vào sử dụng theo quy định.

- Chủ trì theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; tổng hợp tình hình thực hiện, giải ngân, khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp; thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát, lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn lực của Chương trình với các chương trình, dự án khác; bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, dàn trải; tổ chức truyền thông, phổ biến chính sách, pháp luật và vận động xã hội tham gia thực hiện Chương trình.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí, phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan; tham mưu bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định.

3. Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh

Chủ trì quản lý, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thuộc Chương trình được Ủy ban nhân dân tỉnh giao làm chủ đầu tư hoặc giao quản lý dự án theo quy định; bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư và sử dụng vốn đúng mục đích.

Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan khảo sát, rà soát nhu cầu đầu tư; thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai dự án theo quy định.

Phối hợp với Sở Y tế xác định quy mô đầu tư, yêu cầu chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật và danh mục trang thiết bị chuyên ngành y tế, bảo đảm công trình sau khi hoàn thành đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn.

Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện và giải ngân các dự án thuộc Chương trình theo quy định.

4. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan triển khai các nội dung thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch được phân công tại các dự án, tiểu dự án của Chương trình; bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ và quy định hiện hành.

5. Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì hoặc phối hợp với Sở Y tế triển khai các nội dung về an toàn thực phẩm thuộc các dự án, tiểu dự án của Chương trình; bảo đảm phân định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của từng ngành.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nội dung về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc Chương trình theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

7. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật về hôn nhân và gia đình, dân số, quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình, quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi; nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật và trợ giúp pháp lý cho các đối tượng thuộc Chương trình theo quy định.

Phối hợp thực hiện bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng cho đội ngũ thực hiện công tác xã hội, người chăm sóc các đối tượng dễ bị tổn thương theo nội dung, nhiệm vụ được phân công.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế triển khai các nội dung thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung vào công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe học sinh; phòng, chống bệnh, tật học đường; xây dựng trường học nâng cao sức khỏe; tuyên truyền, giáo dục về dân số, dinh dưỡng, phòng, chống bệnh tật và các nội dung khác thuộc Chương trình theo phân công.

9. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan thực hiện các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành về tổ chức bộ máy, nhân lực, công tác xã hội và các nội dung khác của Chương trình khi được cấp có thẩm quyền giao.

10. Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực y tế, dân số theo chức năng, nhiệm vụ; phối hợp thực hiện các nội dung về phòng, chống tệ nạn xã hội, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán người theo quy định.

11. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Phối hợp với Sở Y tế trong công tác tuyên truyền, định hướng thông tin, xây dựng tài liệu chuyên đề, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên và tổ chức các hoạt động cung cấp thông tin, tọa đàm, đối thoại chính sách về dân số và phát triển phù hợp chức năng, nhiệm vụ.

12. Đề nghị Trường Chính trị tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế nghiên cứu, xây dựng tài liệu chuyên đề; tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tổ chức các hoạt động cung cấp thông tin, tọa đàm, đối thoại chính sách về dân số và phát triển phù hợp chức năng, nhiệm vụ.

13. Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung được phân công, chủ động phối hợp với Sở Y tế triển khai các dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình; lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình vào kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực hằng năm và giai đoạn; bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo về nhiệm vụ và nguồn lực.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện Chương trình; phối hợp nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác xã hội, người chăm sóc các đối tượng dễ bị tổn thương; thực hiện giám sát, phản biện xã hội theo quy định.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: phối hợp tuyên truyền, cung cấp kiến thức về chuẩn bị kết hôn, chăm sóc sức khỏe sinh sản và thực hiện các hoạt động tiền hôn nhân cho thanh niên theo nội dung Chương trình.

- Hội Người cao tuổi tỉnh: phối hợp tuyên truyền, vận động, phát triển các mô hình, câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và triển khai các nội dung liên quan theo chức năng, nhiệm vụ.

15. Ủy ban nhân dân xã, phường

Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn; bố trí nguồn lực theo phân cấp; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình; lồng ghép với các chương trình, dự án khác trên địa bàn; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Sở Y tế, các cơ quan liên quan theo quy định.

16. Các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật và các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; kịp thời thông tin, tuyên truyền các mô hình, cách làm hiệu quả trong quá trình thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp xử lý theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Sở Y tế để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức tại Mục VI;
- VPUBND: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KGVX (Trung).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Minh Tuấn